

Chương 2

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN: THỂ HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Stickney & Weil, Kế toán Tài chính: Giới thiệu về khái niệm, phương pháp và công dụng, Nhà xuất bản Dryden, năm 1997. Bản dịch tiếng Việt do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright thuộc Đại học Kinh tế TP.HCM biên soạn và thực hiện. Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc dịch thuật. Trong trường hợp có khác biệt thì tài liệu nguyên gốc sẽ được sử dụng làm căn cứ.

Mục tiêu học tập

1. Tìm hiểu các khái niệm kế toán về tài sản, nghĩa vụ nợ, và vốn cổ đông, bao gồm các điều kiện mà trong đó công ty công nhận các khoản mục này (vấn đề công nhận), các số liệu mà các công ty báo cáo về các khoản mục này (vấn đề đánh giá), và cách thức công ty cáo bạch các khoản mục này trên bảng cân đối tài sản (vấn đề phân loại).
2. Hiểu được phương pháp kế toán ghi sổ kép và học cách áp dụng vào các giao dịch, tiến đến kết quả sau cùng là bảng cân đối tài sản.
3. Xây dựng kỹ năng phân tích bảng cân đối tài sản, chú trọng vào mối quan hệ giữa tài sản, nghĩa vụ nợ, và vốn cổ đông mà người ta mong muốn để công ty lành mạnh về tài chính.

Các bảng cân đối tài sản của nhiều hiệp hội cho vay và tiết kiệm (S&L) vào cuối thập kỷ 80 bao gồm cả những khoản cho vay với thời hạn đến 20 hay 30 năm. Vậy mà, phần lớn nguồn tài chính của các S&L chỉ là từ số dư trong các tài khoản tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi (cả hai đều là nghĩa vụ nợ của S&L), nguồn tiền mà khách hàng có thể rút ra ngay tức thời hoặc chỉ sau vài tháng. Sự mất cân đối về cơ cấu thời hạn của tài sản, thời hạn của nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông có thể dẫn đến tình trạng khó khăn về tài chính hoặc thậm chí phá sản, như đã xảy ra với nhiều S&L. Trong chương này, chúng ta sẽ thảo luận những khái niệm quan trọng làm nền tảng cho bảng cân đối tài sản, minh họa tiến trình chuẩn bị một bảng cân đối tài sản, và giải thích các mối quan hệ mà người sử dụng bảng nên tìm kiếm khi phân tích bảng cân đối tài sản của các công ty lành mạnh trong nhiều ngành khác nhau. Chương này và cả quyển sách này đều nhìn từ góc độ của người sử dụng các báo cáo tài chính. Việc am hiểu các khái niệm cơ bản làm nền tảng cho bảng cân đối tài sản giúp người sử dụng phân tích và diễn giải các bảng cân đối tài sản được công bố. Việc tìm hiểu các phương pháp (hay các tiến trình) kế toán mà nhà kế toán tiến hành khi lập bảng cân đối tài sản giúp ta hiểu rõ các khái niệm hơn.

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Chương 1 giới thiệu bảng cân đối tài sản, một trong ba báo cáo tài chính cơ bản. Thuật ngữ phổ biến tại một số nước gọi báo cáo tài chính này là *báo cáo vị thế tài chính*. Bảng cân đối tài sản tiêu biểu cho một bức ảnh chụp nhanh về các vụ đầu tư (các tài sản) của công ty và việc huy động vốn cho các vụ đầu tư này (nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông) vào một thời điểm cụ thể. Bảng cân đối tài sản thể hiện sự cân bằng sau đây:

$$\text{Tài sản} = \text{Nghĩa vụ nợ} + \text{Vốn cổ đông}$$

Phương trình này nói lên rằng các tài sản của công ty cân bằng với các nguồn vốn huy động cho các tài sản đó từ những người cho vay và chủ sở hữu. Bảng cân đối tài sản trình bày các nguồn lực từ hai góc độ: một danh mục các hình thức cụ thể của những nguồn lực mà công ty đang nắm giữ (ví dụ, tiền mặt, hàng trong kho, máy móc thiết bị); và một danh mục những người cung ứng nguồn lực và do đó họ có quyền đối với các tài sản (ví dụ, các nhà cung ứng hàng, người lao động, chính phủ, các cổ đông). Các nhà kế toán thường gọi tổng các nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông là *tổng nguồn vốn*. Việc giới thiệu bảng cân đối tài sản trong chương 1 còn để lại một số câu hỏi chưa được giải đáp:

1. Những nguồn lực nào được công ty công nhận là tài sản?
2. Công ty thực hiện việc đánh giá như thế nào đối với các tài sản này?
3. Công ty phân loại, hay xếp thành nhóm các tài sản này trên bảng cân đối tài sản như thế nào?
4. Các quyền nào đối với tài sản của công ty được thể hiện là các nghĩa vụ nợ trên bảng cân đối tài sản?
5. Công ty thực hiện việc đánh giá như thế nào đối với các nghĩa vụ nợ này?
6. Công ty phân loại các nghĩa vụ nợ như thế nào trong bảng cân đối tài sản?
7. Công ty thực hiện việc đánh giá như thế nào đối với vốn cổ đông, và công ty công bố vốn cổ đông như thế nào trên bảng cân đối tài sản?

Để trả lời những câu hỏi này, ta phải xem xét một số khái niệm kế toán làm nền tảng cho bảng cân đối tài sản. Phần thảo luận này không chỉ mang đến cơ sở để tìm hiểu các bảng báo cáo như hiện đang được trình bày mà còn cho phép người đọc đánh giá các phương pháp khác nhau để xác định vị thế tài chính.

CÔNG NHẬN CÁC TÀI SẢN

Tài sản là một nguồn lực có tiềm năng mang lại lợi ích kinh tế cho công ty trong tương lai – khả năng tạo ra một dòng ngân lưu vào trong tương lai hay làm giảm dòng ngân lưu ra trong tương lai. Công ty sẽ công nhận một nguồn lực nào đó là một tài sản chỉ khi (1) công ty có quyền sử dụng nguồn lực đó trong tương lai như kết quả của một giao dịch hay trao đổi trong quá khứ, và (2) công ty có thể đo lường hay định lượng được lợi ích tương lai với một độ chính xác hợp lý. Mọi tài sản đều là lợi ích tương lai; nhưng không phải mọi lợi ích tương lai đều là tài sản.

Ví dụ 1. Công ty Miller bán hàng và nhận một giấy hẹn trả tiền từ khách hàng, thỏa thuận trả 2000 trong vòng 4 tháng. Giấy hẹn trả tiền, hay chứng từ nợ phải thu này là một tài sản của công ty Miller vì công ty có quyền nhận được một số tiền mặt nhất định trong tương lai như kết quả của việc bán hàng trước đó.

Ví dụ 2. Công ty Miller mua máy móc thiết bị sản xuất trị giá 40.000 và thỏa thuận trả tiền cho người bán trong vòng ba năm. Sau đợt trả tiền cuối cùng, và mãi đến lúc đó, quyền hợp pháp về

thiết bị mới được chuyển giao cho công ty Miller. Cho dù công ty Miller không được sở hữu quyền hợp pháp về thiết bị trong 3 năm, nhưng thiết bị này là tài sản của công ty vì công ty có các quyền và trách nhiệm về sở hữu và có thể duy trì các quyền này bao lâu mà công ty vẫn đang thanh toán theo định kỳ.

Ví dụ 3. Công ty Miller đã xây dựng được uy tín với người lao động, khách hàng và các cư dân trong cộng đồng. Ban giám đốc kỳ vọng rằng tiếng tăm này sẽ mang lại lợi ích cho công ty trong các hoạt động kinh doanh tương lai. Tuy nhiên, tên tuổi hay tiếng tăm của một công ty nói chung *không* phải là một tài sản tài chính. Cho dù công ty Miller đã tốn nhiều chi phí trong quá khứ để xây dựng tên tuổi của mình, nhưng thật khó mà định lượng được lợi ích tương lai với một độ chính xác đủ để cho phép công ty Miller công nhận tên tuổi đó là một tài sản.

Ví dụ 4. Công ty Miller lên kế hoạch mua một đội xe tải mới trong năm tới để thay thế cho đội xe cũ đã hao mòn. Những chiếc xe tải mới này hiện nay không phải là tài sản vì công ty Miller chưa thực hiện việc mua bán với nhà cung ứng, và do đó chưa thiết lập được quyền sử dụng xe tải trong tương lai.

Phần lớn những khó khăn mà các nhà kế toán gặp phải khi quyết định công nhận khoản mục nào là tài sản liên quan đến các hợp đồng không được thực hiện hay chỉ thực hiện một phần. Trong ví dụ 4, giả sử công ty Miller ký hợp đồng với một nhà buôn xe tải để mua xe tải trong năm tới với mức giá tiền mặt là 60.000. Công ty Miller đã có quyền đối với lợi ích tương lai, nhưng hợp đồng vẫn chưa được thực hiện. Việc hạch toán nói chung không thừa nhận những hợp đồng chưa được thực hiện, đôi khi được gọi là **hợp đồng chưa thi hành**. Công ty Miller sẽ công nhận các xe tải này là tài sản khi công ty nhận được xe vào năm tới.

Để minh họa thêm một bước nữa, ta giả định rằng công ty Miller trả trước cho nhà buôn 15.000 trong tổng số tiền mua hàng vào thời điểm ký kết hợp đồng. Công ty Miller đã có được quyền đối với lợi ích tương lai và đã trao đổi tiền mặt. Thông lệ kế toán hiện hành sẽ xử lý khoản trả trước 15.000 để mua thiết bị này là một tài sản với tên gọi là khoản trả trước cho nhà cung ứng. Tuy nhiên, xe tải vẫn không phải là một tài sản trong thời điểm này, vì công ty Miller chưa nhận được đủ quyền tương lai để giải thích cho việc đưa xe tải vào bảng cân đối tài sản. Những vấn đề về việc công nhận tài sản tương tự cũng phát sinh khi một công ty thuê nhà xưởng và thiết bị để sử dụng riêng trong các hợp đồng cho thuê dài hạn hay khi công ty ký hợp đồng với một công ty vận tải để chuyên chở toàn bộ sản phẩm của công ty cho khách hàng trong thời gian vài năm. Trong chương sau, chúng ta sẽ thảo luận những vấn đề này đầy đủ hơn.

ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN

Kế toán phải gán một giá trị bằng tiền cho mỗi tài sản trên bảng cân đối tài sản. Nhà kế toán có thể dùng một vài phương pháp để tính toán giá trị này.

Chi phí mua hay chi phí lịch sử. Khoản thanh toán tiền mặt (hay giá trị tương đương bằng tiền mặt của các hình thức thanh toán khác) được thực hiện khi mua tài sản được gọi là chi phí mua hay chi phí lịch sử của tài sản. Nhà kế toán có thể xác định giá trị này bằng cách xem hợp đồng, hoá đơn, và các tấm séc đã thanh toán. Vì công ty không bị bắt buộc phải mua một tài sản nhất định nào đó, công ty phải kỳ vọng lợi ích tương lai từ tài sản mua về ít nhất cũng ngang với chi phí mua. Khi đó, chi phí lịch sử ấn định giới hạn dưới cho giá trị lợi ích tương lai của tài sản đối với công ty vào thời điểm mua tài sản.

Chi phí thay thế hiện tại. Mỗi tài sản có thể xuất hiện trên bảng cân đối tài sản theo chi phí hiện tại để thay thế tài sản đó. Vì **chi phí thay thế hiện tại** tiêu biểu cho số tiền hiện tại cần phải có để có quyền nhận được lợi ích tương lai từ tài sản, nên nhà kế toán gọi đó là **giá trị nhập vào**.

Đối với những tài sản được mua thường xuyên, như hàng trong kho, nhà kế toán thường tính chi phí thay thế hiện tại bằng cách tham khảo bảng giá của nhà cung ứng hay danh mục giá cả. Nhưng chi phí thay thế hiện tại của những khoản mục ít được mua thường xuyên hơn, như đất đai, nhà xưởng, trang thiết bị thì khó mà đo lường giá cả hơn. Một trở ngại chính cho việc dùng chi phí thay thế hiện tại làm cơ sở đánh giá là sự thiếu vắng các thị trường hàng đã qua sử dụng được tổ chức tốt cho nhiều loại tài sản. Khi công ty không thể tìm được một tài sản đã qua sử dụng tương tự đang được bán, việc xác định chi phí thay thế hiện tại đòi hỏi phải tìm chi phí của một tài sản mới tương tự rồi điều chỉnh giảm số tiền xuống ứng với những dịch vụ tài sản đã được sử dụng. Tuy nhiên, ngay cả việc tìm một tài sản cũng có thể khó khăn. Cùng với sự cải tiến công nghệ và những thay đổi về chất lượng khác, những thiết bị được mua ngay hiện tại có thể khác với những thiết bị mà công ty đã mua từ 10 năm trước nhưng vẫn còn đang sử dụng. Do đó, có thể không có sẵn những thiết bị tương tự trên thị trường để biểu thị chi phí thay thế. Như một sự lựa chọn, khi chi phí thay thế một tài sản cụ thể không có sẵn, nhà kế toán có thể thay bằng chi phí thay thế hiện tại của một tài sản có khả năng mang lại những dịch vụ tương đương. Tuy nhiên, phương pháp này dẫn đến tính chủ quan trong việc nhận diện những tài sản có tiềm năng phục vụ tương đương.

Giá trị có thể bán được hiện tại. Số tiền ròng (giá bán trừ đi chi phí bán) mà hiện nay công ty có thể thu được nếu bán riêng từng tài sản là **giá trị thực tế hiện tại (ròng)**. Số tiền này là một **giá trị thanh lý** vì nó phản ánh số tiền mà hiện tại công ty có thể nhận được nếu thanh lý tài sản hay từ bỏ quyền sở hữu. Khi đo lường giá trị thực hiện ròng hiện tại, nói chung người ta giả định rằng công ty bán tài sản trong điều kiện bình thường chứ không phải thông qua việc bán miễn cưỡng trong tình trạng giá cả sa sút (bị ép giá).

Việc đo lường giá trị thực hiện ròng hiện tại gặp khó khăn tương tự như những khó khăn mà ta gặp phải khi đo lường chi phí thay thế hiện tại. Không có các thị trường hàng đã qua sử dụng được tổ chức tốt, nhà kế toán không dễ gì đo được giá trị thực hiện ròng hiện tại, đặc biệt đối với những thiết bị được thiết kế riêng theo nhu cầu của công ty. Trong trường hợp này, giá bán hiện tại của tài sản (giá trị trao đổi) nói chung sẽ thấp hơn giá trị của những lợi ích tương lai đối với công ty khi sử dụng tài sản (giá trị sử dụng).

Hiện giá của ngân lưu tương lai ròng. Một cơ sở đánh giá khả dĩ khác là **hiện giá** của ngân lưu ròng trong tương lai. Tài sản là một nguồn lực mang lại lợi ích trong tương lai. Lợi ích tương lai này là khả năng tài sản tạo ra được các khoản thu tiền mặt ròng hay giảm chi tiêu tiền mặt ròng trong tương lai. Ví dụ, các khoản phải thu từ khách hàng sẽ trực tiếp dẫn đến thu tiền mặt tương lai. Công ty có thể bán hàng trong kho để lấy tiền mặt hay các giấy hẹn trả tiền. Công ty có thể dùng thiết bị để sản xuất ra sản phẩm rồi bán ra thu tiền về. Một toà nhà mà công ty sở hữu giúp làm giảm các khoản chi tiêu tiền mặt tương lai để trả tiền thuê nhà. Vì các ngân lưu (hay dòng tiền mặt) này tiêu biểu cho các dịch vụ hay lợi ích tương lai của tài sản nên nhà kế toán có thể đánh giá tài sản trên cơ sở ngân lưu.

Vì tiền mặt có thể được hưởng lãi theo thời gian, nên giá trị hiện tại của một dòng tiền trong tương lai, được gọi là *hiện giá*, sẽ nhỏ hơn tổng của các khoản tiền mặt mà công ty sẽ nhận được hay tiết kiệm được theo thời gian. Bảng cân đối tài sản trình bày các giá trị tài sản được xác định vào một thời điểm hiện tại. Nếu muốn dùng ngân lưu tương lai để đo giá trị tài sản vào thời điểm hiện tại này, nhà kế toán sẽ chiết khấu ngân lưu ròng tương lai để tìm hiện giá vào thời

điểm lập bảng cân đối tài sản. Trong chương 10, chương 11 và phần phụ lục, chúng ta sẽ thảo luận về phương pháp luận. Ví dụ sau đây trình bày phương pháp tổng quát.

Ví dụ 5. Công ty Miller bán hàng cho một khách hàng đáng tin cậy, công ty General Models, khách hàng này cam kết trả 10.000 một năm sau ngày bán. Công ty General Models ký một giấy hẹn trả tiền vì mục đích đó và trao giấy hẹn trả tiền này cho công ty Miller. Công ty Miller đánh giá rằng lãi suất vay mượn hiện tại của công ty General Models là 10%/năm; nghĩa là, nếu công ty Miller cho công ty General Models vay tiền thì khoản cho vay sẽ hưởng lãi suất 10%. Công ty Miller sẽ thu về 10.000 một năm sau kể từ hôm nay. Khoản tiền 10.000 bao gồm số tiền cho vay ban đầu cộng với tiền lãi phát sinh từ số tiền đó trong 1 năm. Giá trị ngày hôm nay của 10.000 nhận được 1 năm sau không phải là 10.000 mà chỉ vào khoảng 9.090; nghĩa là 9.090 cộng với 10% tiền lãi của 9.090 bằng 10.000 ($= 1.10 \times 9.090$). Do vậy, hiện giá của 10.000 nhận được một năm sau sẽ là 9.090. (Công ty Miller cho rằng nhận 9.090 ngày hôm nay thì cũng tương đương với việc nhận 10.000 vào 1 năm sau.) Tài sản thể hiện qua giấy hẹn trả tiền của công ty General Models có hiện giá là 9.090. Nếu bảng cân đối tài sản trình bày giấy hẹn trả tiền này theo hiện giá của ngân lưu tương lai, thì nó sẽ xuất hiện trên bảng cân đối tài sản xấp xỉ bằng 9.090 vào ngày bán hàng.

Dùng ngân lưu chiết khấu trong việc đánh giá các tài sản đòi hỏi phải giải quyết một số vấn đề. Một là sự khó khăn phát sinh do tình trạng không chắc chắn về khoản ngân lưu tương lai. Số tiền mà công ty sẽ nhận được có thể phụ thuộc vào việc liệu các đối thủ cạnh tranh có giới thiệu những sản phẩm mới hay chăng, vào tỷ lệ lạm phát, và các yếu tố khác. Vấn đề thứ hai là việc phân bổ các khoản thu từ việc bán một món hàng trong kho cho tất cả các tài sản có liên quan trong quá trình sản xuất và phân phối (ví dụ, thiết bị, nhà xưởng, xe ô tô của nhân viên bán hàng). Vấn đề thứ ba là việc chọn lãi suất thích hợp để chiết khấu ngân lưu tương lai về hiện tại. Liệu lãi suất mà công ty có thể đi vay có phải là một suất chiết khấu thích hợp không? Hay công ty nên dùng lãi suất mà công ty có thể thu được khi đầu tư lượng tiền mặt dư thừa? Hay lãi suất thích hợp là chi phí sử dụng vốn của công ty (một khái niệm được giới thiệu trong các giáo trình tài chính và kế toán quản trị)? Trong ví dụ trên, lãi suất thích hợp là lãi suất đi vay của General Models.

CHỌN CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ THÍCH HỢP

Cơ sở đánh giá được chọn tùy thuộc vào mục đích của báo cáo tài chính.

Ví dụ 6. Công ty Miller chuẩn bị tờ khai thuế thu nhập cho năm hiện hành. Bộ luật thuế qui định rằng các doanh nghiệp phải dùng chi phí mua hay chi phí mua có điều chỉnh làm cơ sở đánh giá trong hầu hết các trường hợp.

Ví dụ 7. Một vụ hỏa hoạn mới đây đã thiêu huỷ xí nghiệp sản xuất, trang thiết bị và hàng trong kho của công ty Miller. Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn của công ty qui định đền bù một khoản tiền bằng với chi phí thay thế tài sản bị thiệt hại. Chi phí thay thế hiện tại vào thời điểm hỏa hoạn là thích hợp để hỗ trợ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

Ví dụ 8. Công ty Miller lập kế hoạch thanh lý một phân ban sản xuất đang hoạt động không có lãi. Khi quyết định mức giá thấp nhất có thể chấp nhận cho phân ban này, công ty xem xét giá trị ròng có thể bán được hiện tại của từng tài sản.

Ví dụ 9. Công ty Brown đang xem xét việc mua lại công ty Miller. Mức giá cao nhất mà công ty Brown nên trả là hiện giá của ngân lưu tương lai ròng sẽ thu được nhờ sở hữu công ty Miller.

Ví dụ 10. Công ty Miller phát hiện rằng nhu cầu đối với đất đai mà công ty sở hữu đã giảm nhiều đến nỗi chi phí mua đất ban đầu vượt quá tổng các khoản thu kỳ vọng nhận được từ việc cho thuê đất trong tương lai vô hạn. Các nguyên tắc kế toán đã được chấp nhận chung (GAAP) quy định công ty Miller phải thể hiện đất đai của công ty trên bảng cân đối tài sản bằng hiện giá ròng của ngân lưu kỳ vọng, được chiết khấu bằng một lãi suất có điều chỉnh rủi ro của ngân lưu kỳ vọng – ngân lưu càng chắc chắn thì lãi suất chiết khấu càng thấp.

CÁC CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN KẾ TOÁN ĐÃ ĐƯỢC CHẤP NHẬN CHUNG

Các cơ sở đánh giá tài sản thích hợp cho các báo cáo tài chính phát hành cho cổ đông và các nhà đầu tư khác có lẽ kém rõ rệt hơn. Các báo cáo tài chính hiện được lập cho các công ty có cổ phần niêm yết thường sử dụng hai cơ sở đánh giá cho những tài sản không bị giảm giá trị đáng kể từ khi công ty thu được tài sản đó, một cơ sở cho các tài sản bằng tiền và một cơ sở khác cho những tài sản không bằng tiền.

Tài sản bằng tiền như tiền mặt và các khoản phải thu nói chung xuất hiện trên bảng cân đối tài sản theo hiện giá ròng – giá trị tiền mặt hiện tại, hay giá trị tương đương bằng tiền mặt. Tiền mặt xuất hiện theo số tiền mặt công ty đang giữ hay nằm trong ngân hàng. Các khoản phải thu từ khách hàng được thể hiện theo số tiền mà công ty kỳ vọng thu được trong tương lai. Nếu thời gian cho đến lúc công ty thu được khoản phải thu đó nhiều hơn 1 năm, công ty chiết khấu khoản tiền mặt tương lai về giá trị hiện tại. Hầu hết các công ty thu các khoản phải thu trong vòng từ 1 đến 3 tháng. Số tiền ngân lưu tương lai xấp xỉ gần bằng với hiện giá của ngân lưu, nên kế toán bỏ qua quá trình chiết khấu.

Các tài sản không phải bằng tiền như hàng trong kho, đất đai, nhà xưởng, và thiết bị nói chung xuất hiện trên bảng cân đối tài sản theo chi phí mua, trong một số trường hợp được điều chỉnh giảm xuống để phản ánh những dịch vụ của tài sản đã được tiêu thụ hay việc giảm giá trị thị trường. Chương 3, 8 và 9 sẽ thảo luận các điều chỉnh này, được gọi là *khấu hao* khi công ty đã sử dụng một phần dịch vụ từ tài sản và *phát sinh lỗ* khi giá trị thị trường giảm thậm chí nhiều hơn khấu hao.

Chi phí mua tài sản bao gồm nhiều hơn giá trên hoá đơn. Chi phí mua bao gồm mọi chi phí thực hiện hay những giao ước phát sinh nhằm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt, chi phí đóng gói, và các chi phí hợp lý và cần thiết khác phát sinh cho đến khi công ty đưa tài sản vào phục vụ là một phần của tổng chi phí gán cho tài sản. Ví dụ, nhà kế toán có thể tính chi phí mua một thiết bị như sau:

Giá hoá đơn của thiết bị	12.000
Trừ đi: Giảm giá cho tiền mặt trả ngay	(240)
Giá hoá đơn ròng	11.760
Chi phí vận chuyển	326
Chi phí lắp đặt	735
Tổng chi phí thiết bị	12.821

Nhà kế toán ghi chép chi phí mua thiết bị này là 12.821\$.

Thay vì chi tiền mặt hay phát sinh một nghĩa vụ nợ, công ty có thể trao (hay hoán đổi) các dạng đền bù khác (như cổ phiếu thường, hàng trong kho, đất đai) nhằm thu về một tài sản. Trong những trường hợp này, nhà kế toán đo lường chi phí mua bằng giá trị thị trường của các

đối tượng mang ra trao đổi hay giá trị thị trường của tài sản nhận được, bất luận một trong hai giá trị thị trường mà nhà kế toán có thể đo lường một cách đáng tin cậy hơn.

Ví dụ 11. Công ty Miller phát hành 1.000 cổ phần thường để mua một cỗ máy đã qua sử dụng. Cổ phần được bán trên thị trường cổ phiếu với giá 15\$/cổ phần vào ngày trao đổi. Nhà kế toán ghi vào sổ sách của công ty Miller cỗ máy này trị giá 15.000.

Cơ sở để áp dụng chi phí mua. Việc sử dụng chi phí mua làm cơ sở đánh giá các tài sản không phải tiền mặt dựa vào ba khái niệm hay qui ước quan trọng. Thứ nhất, kế toán giả định rằng công ty hoạt động liên tục lâu dài. Nói cách khác, kế toán giả định rằng công ty sẽ duy trì hoạt động đủ lâu dài để thực hiện mọi kế hoạch hiện tại. Trong chiều hướng hoạt động bình thường, giá trị thị trường của các tài sản mà công ty nắm giữ sẽ tăng lên khi công ty đạt được mức giá cao hơn đối với các sản phẩm của mình. Nói chung, kế toán giả định rằng giá trị hiện tại của các tài sản riêng lẻ là không quan trọng. Thứ hai, việc đánh giá theo chi phí mua có tính khách quan hơn các phương pháp đánh giá khác. **Tính khách quan** trong kế toán ngụ ý khả năng những người đo lường độc lập với nhau sẽ đi đến cùng một kết luận như nhau khi đánh giá một tài sản. Các nhà kế toán khác nhau có thể dễ dàng thống nhất về chi phí mua một tài sản. Họ có thể không nhất trí với nhau về giá trị khi sử dụng phương pháp chi phí thay thế hiện tại của một tài sản, giá trị có thể bán được hiện tại, hay hiện giá của ngân lưu tương lai. Để các nhà kế toán độc lập đi đến sự nhất trí trong việc kiểm toán, các báo cáo tài chính đòi hỏi phải có tính khách quan. Thứ ba, chi phí mua nói chung thường định giá tài sản (và đo lường thu nhập) một cách thận trọng hơn so với các phương pháp đánh giá khác. Nhiều nhà kế toán tin rằng các báo cáo tài chính sẽ đỡ làm người sử dụng lạc đường hơn nếu bảng cân đối tài sản trình bày những số tiền thấp hơn thay vì cao hơn. Như vậy, **tính thận trọng** đã tiến hoá như một thông lệ hay qui ước để giải thích cho cơ sở đánh giá theo chi phí mua (và điều chỉnh theo xu hướng giảm bớt, chứ không tăng lên).

Sự chấp nhận chung đối với các cơ sở đánh giá này không giải thích cho chúng. Việc nghiên cứu không giúp hướng dẫn thêm cho chúng ta về việc cơ sở đánh giá nào là thích hợp nhất cho người sử dụng báo cáo tài chính – chi phí mua, chi phí thay thế hiện tại, giá trị thực hiện ròng hiện tại, hay hiện giá của ngân lưu tương lai.

PHÂN LOẠI TÀI SẢN

Việc phân loại tài sản trong bảng cân đối tài sản trong các báo cáo được công bố hàng năm khá khác biệt nhau. Phần thảo luận sau đây trình bày những chủng loại tài sản chính.

Tài sản hiện hành. *Tài sản hiện hành* là tiền mặt và những tài sản khác mà công ty kỳ vọng nhận được dưới dạng tiền mặt, hoặc bán, hay tiêu thụ trong chu kỳ hoạt động kinh doanh bình thường, thường là 1 năm. Chu kỳ hoạt động là thời đoạn mà trong đó công ty chuyển tiền mặt thành hàng hoá và dịch vụ để bán, bán các hàng hoá dịch vụ này cho người tiêu dùng, và nhận tiền mặt từ khách hàng để chi trả cho việc mua hàng. Tài sản hiện hành bao gồm tiền mặt, chứng khoán có thể mua bán nhanh trong ngắn hạn, khoản phải thu, hàng trong kho, nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm dở dang, thành phẩm và chi phí hoạt động trả trước, như phí bảo hiểm trả trước, và tiền thuê trả trước. Các chi phí trả trước, hay ứng trước, là tài sản hiện hành vì nếu công ty không trả trước các khoản này, công ty phải dùng tài sản hiện hành trong chu kỳ hoạt động kế tiếp để có được các dịch vụ này.

Đầu tư. Phần thứ hai trong bảng cân đối tài sản được gọi là *đầu tư*, bao gồm các đầu tư dài hạn vào chứng khoán của các công ty khác. Ví dụ, công ty có thể mua cổ phần thường của một nhà cung ứng để giúp bảo đảm nguyên vật liệu luôn liên tục có sẵn. Hoặc công ty có thể mua cổ phần

thường của một công ty trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác, để có thể tiếp quản công ty đó nhằm đa dạng hoá hoạt động của mình. Khi một công ty (công ty mẹ) sở hữu hơn 50% cổ phiếu có quyền bỏ phiếu trong một công ty khác (công ty con), công ty mẹ thường lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất riêng biệt; nghĩa là, công ty mẹ sẽ sáp nhập, hay hợp nhất các tài sản, nghĩa vụ nợ, doanh thu, và chi phí cụ thể của mình với công ty con vào một bộ báo cáo tài chính. Do đó, các chứng khoán trình bày trong phần Đầu tư của bảng cân đối tài sản thể hiện những khoản đầu tư vào những công ty mà tài sản và nghĩa vụ nợ của những công ty đó đã *không* được hợp nhất vào công ty mẹ. Chương 13 sẽ trình bày về các báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhà xưởng, máy móc thiết bị. Cụm từ *nhà xưởng, máy móc thiết bị* (đôi khi còn gọi là **nhà xưởng**, hay **tài sản cố định**) là những tài sản hữu hình, lâu dài, được sử dụng trong hoạt động của công ty trong thời đoạn nhiều năm và nói chung không phải mua về để bán lại. Nhóm này bao gồm đất đai, nhà xưởng, ô tô, trang bị nội thất, máy tính, và các trang thiết bị khác. Bảng cân đối tài sản trình bày các khoản mục này (ngoại trừ đất đai) theo chi phí mua trừ đi khấu hao tích lũy từ khi tài sản được mua về, trừ khi tài sản đó đã giảm giá trị đáng kể từ lúc mua về. Thông thường chỉ có số dư ròng, hay giá trị sổ sách xuất hiện trên bảng cân đối tài sản. Đất đai thường được trình bày theo chi phí mua.

Tài sản vô hình. Những khoản mục như bằng phát minh, thương hiệu, giấy phép nhượng quyền, và uy tín là **những tài sản vô hình**. Nói chung các nhà kế toán không công nhận những chi phí mà công ty phải tiêu tốn để xây dựng tài sản vô hình là tài sản, vì sự khó khăn khi xác định sự hiện hữu của các lợi ích tương lai. Tuy nhiên, thông lệ kế toán đặc biệt công nhận những tài sản vô hình thu được thông qua trao đổi trên thị trường từ những đơn vị khác – ví dụ như mua lại bằng phát minh từ người giữ bằng – là một tài sản.

BÀI TỰ LUYỆN 2.1

Công nhận và đánh giá tài sản. Các giao dịch liệt kê dưới đây liên quan đến công ty Coca Cola. Theo GAAP (các nguyên tắc kế toán đã được chấp nhận chung), hãy cho biết mỗi giao dịch sau có dẫn đến một tài sản của công ty ngay lập tức hay không. Nếu kế toán công nhận là tài sản, hãy cho biết tên tài khoản và giá trị của nó.

- Công ty chi \$10 triệu để phát triển một thức uống mới. Chưa triển khai một sản phẩm nào khả thi về mặt thương mại, nhưng công ty hy vọng rằng một sản phẩm như thế sẽ phát triển trong tương lai gần.
- Công ty ký hợp đồng với công ty United Can để mua 4 triệu lon chứa nước giải khát. Công ty thanh toán trước 400.000 sau khi ký hợp đồng.
- Công ty chi \$2 triệu cho các mục quảng cáo trong tháng qua: \$500.000 quảng cáo cho thương hiệu Coca Cola và \$1.500.000 để quảng cáo một mặt hàng cụ thể, như loại nước giải khát không đường Diet Coke.
- Công ty phát hành 50.000 cổ phần thưởng, giá trị thị trường là \$2,5 triệu, để mua toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của công ty Coring Glass, một nhà cung ứng chai thủy tinh đựng nước giải khát.
- Công ty chi tiêu \$800.000 cho chương trình hỗ trợ giáo dục cho các nhà quản lý bậc trung của công ty để lấy bằng thạc sĩ. Trong quá khứ, 80% người lao động tham gia chương trình này đã nhận được bằng thạc sĩ và sau đó vẫn ở lại làm việc cho công ty 10 năm hay lâu hơn.
- Công ty mua đất và xây một tòa nhà bằng cách ký một hợp đồng vay tín dụng có bảo đảm \$150 triệu. Vì công ty chưa trả số tiền này, nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà vẫn còn thuộc về đối tác ký hợp đồng tín dụng.

CÔNG NHẬN NGHĨA VỤ NỢ

Một nghĩa vụ nợ phát sinh khi công ty hưởng lợi ích hay dịch vụ thông qua cam kết trả cho người cung ứng các hàng hoá hay dịch vụ này một số tiền xác định hợp lý vào một thời điểm tương lai xác định hợp lý. Công ty thường trả tiền mặt nhưng cũng có thể trao đổi hàng hoá hay dịch vụ. Mọi nghĩa vụ nợ đều là một giao ước; nhưng không phải mọi giao ước đều là nghĩa vụ nợ kế toán.

Ví dụ 12. Công ty Miller mua hàng và thoả thuận trả cho nhà cung ứng 8.000 trong vòng 30 ngày. Giao ước này là một nghĩa vụ nợ vì công ty Miller nhận hàng và phải trả một số tiền nhất định vào một thời điểm tương lai xác định hợp lý.

Ví dụ 13. Công ty Miller vay 4 triệu \$ thông qua phát hành trái phiếu dài hạn. Công ty phải trả lãi hàng năm là 10% số tiền vay vào ngày 31-12 mỗi năm và phải bồi hoàn số vốn vay 4 triệu \$ sau 20 năm. Giao ước này là một nghĩa vụ nợ vì công ty Miller nhận tiền mặt và phải trả một khoản nợ xác định vào một thời điểm tương lai xác định.

Ví dụ 14. Công ty Miller cung ứng dịch vụ bảo hành sản phẩm trong 3 năm. Giao ước bảo hành sản phẩm theo kế hoạch bảo hành tạo ra một nghĩa vụ nợ. Giá bán sản phẩm ngầm bao hàm một khoản phí dịch vụ bảo hành tương lai. Khi khách hàng trả tiền mua hàng theo giá bán, công ty Miller nhận được lợi ích (tức khoản tiền mặt thu vào). Kinh nghiệm quá khứ mang đến một cơ sở để ước lượng số tiền của nghĩa vụ nợ. Công ty Miller có thể ước lượng tỷ lệ khách hàng muốn tìm những dịch vụ theo thoả thuận bảo hành và chi phí kỳ vọng của việc cung ứng dịch vụ bảo hành. Như vậy, công ty Miller có thể đo lường số tiền của giao ước này với một độ chính xác hợp lý và sẽ trình bày nó như một nghĩa vụ nợ.

Ví dụ 15. Công ty Miller ký một thoả thuận với liên đoàn lao động, cam kết tăng lương thêm 6% và cung cấp bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm y tế. Cho dù thoả thuận này tạo ra một giao ước, nhưng nó *không* tạo ra một nghĩa vụ nợ ngay tức thời. Người lao động chưa cung ứng những dịch vụ lao động mà đòi hỏi công ty phải trả lương và bảo hiểm. Khi người lao động làm việc, nghĩa vụ nợ sẽ phát sinh.

Những vấn đề rắc rối nhất về việc công nhận nghĩa vụ nợ liên quan đến những giao ước trong các hợp đồng không được thực hiện. Thoả thuận với liên đoàn lao động trong ví dụ 15 là một hợp đồng chưa thực hiện. Những ví dụ khác bao gồm các hợp đồng thuê, các cam kết đặt mua hàng, và các hợp đồng lao động. Thông lệ kế toán thường không công nhận các giao ước tạo ra bởi những hợp đồng chưa thực hiện là nghĩa vụ nợ. Chương 11 sẽ thảo luận về việc xử lý kế toán đối với các thoả thuận tài chính không thể hiện trên bảng cân đối tài sản này.

ĐÁNH GIÁ NGHĨA VỤ NỢ

Hầu hết các nghĩa vụ nợ là bằng tiền, yêu cầu phải thanh toán một khoản tiền cụ thể. Những nghĩa vụ nợ nào đến hạn trong vòng một năm hay ít hơn sẽ được trình bày theo số tiền mà công ty kỳ vọng sẽ trả để chấm dứt nghĩa vụ nợ đó. Nếu ngày thanh toán vượt quá 1 năm trong tương lai (ví dụ như trường hợp trái phiếu trong ví dụ 13), nghĩa vụ nợ sẽ được trình bày theo hiện giá của ngân lưu chi ra tương lai.

Một nghĩa vụ nợ mà đòi hỏi phải giao hàng hay cung ứng dịch vụ, chứ không phải trả tiền mặt, là nghĩa vụ nợ không phải bằng tiền. Ví dụ, các toà soạn tạp chí thường thu tiền mặt của những người đăng ký mua tạp chí dài hạn, cam kết giao báo trong nhiều tháng. Công ty nhận tiền mặt ngay, nhưng chỉ kết thúc giao ước thông qua giao tạp chí trong tương lai. Các nhà hát và đội

bóng đá nhận tiền mặt để cung cấp vé theo mùa cho khán giả và cam kết có chỗ cho người đã mua vé trong các buổi diễn tương lai. Chủ đất nhận tiền trước và cam kết cho người thuê đất được sử dụng tài sản. Những giao ước không bằng tiền như thế cũng là những nghĩa vụ nợ. Thông lệ kế toán qui định số tiền của các nghĩa vụ nợ này trên bảng cân đối tài sản sẽ là số tiền mà công ty nhận được, chứ không phải chi phí kỳ vọng của việc xuất bản tạp chí hay tổ chức biểu diễn sân khấu hay thể thao. Tên gọi thường dùng cho các nghĩa vụ nợ thuộc loại này là “Trả trước từ khách hàng.”

PHÂN LOẠI NGHĨA VỤ NỢ

Bảng cân đối tài sản thường phân loại nghĩa vụ nợ vào một trong các loại sau:

Nghĩa vụ nợ hiện hành. *Nghĩa vụ nợ hiện hành* là những giao ước mà công ty kỳ vọng sẽ chi trả hay chấm dứt trong chu kỳ hoạt động bình thường của công ty, thường là 1 năm. Nói chung, công ty dùng tài sản hiện hành để trả cho nghĩa vụ nợ hiện hành. Chúng loại này bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với người cung ứng hàng, người lao động, và các cơ quan nhà nước. Nó cũng bao gồm các trái phiếu phải trả trong chừng mực mà các trái phiếu này sẽ đòi hỏi phải sử dụng tài sản hiện hành trong năm tới.

Nợ dài hạn. *Nợ dài hạn* là những giao ước có thời hạn nhiều hơn một năm sau ngày lập bảng cân đối tài sản. Nợ dài hạn bao gồm trái phiếu, các khoản vay có bảo đảm dài hạn, và các khoản nợ tương tự, cũng như một số giao ước trong các hợp đồng thuê dài hạn.

Các nghĩa vụ nợ dài hạn khác. *Nghĩa vụ nợ dài hạn khác* là những giao ước không được xem là nghĩa vụ nợ hiện hành hay nợ dài hạn, bao gồm những khoản mục như thuế thu nhập trả sau và một số giao ước hưu bổng.

BÀI TỰ LUYỆN 2.2

Công nhận và đánh giá nghĩa vụ nợ. Các giao dịch liệt kê dưới đây liên quan đến công ty New York Times. Theo GAAP, hãy cho biết mỗi giao dịch này có dẫn đến một nghĩa vụ nợ của công ty ngay lập tức hay không. Nếu công ty công nhận là nghĩa vụ nợ, hãy cho biết tên tài khoản và số tiền của nghĩa vụ nợ.

- Công ty nhận \$10 triệu từ những người đăng ký mua báo trong thời gian một năm bắt đầu từ tháng tới.
- Công ty nhận được một hoá đơn trị giá \$4 triệu từ một cơ quan quảng cáo cho các mục quảng cáo trên truyền hình trình chiếu hồi tháng trước nhằm quảng bá tờ báo New York Times.
- Công ty ký hợp đồng 1 năm để thuê một phương tiện giao báo mới. Công ty trả \$40.000 trong số tiền thuê \$80.000/một năm vừa ký kết.
- Các luật sư báo cho công ty biết rằng một cư dân thành phố New York bị tai nạn nghiêm trọng do một trong các phương tiện giao báo của công ty gây ra, đã kiện công ty đòi bồi thường \$10 triệu. Các luật sư của công ty dự đoán rằng tòa có thể qui trách nhiệm cho công ty trong vụ kiện, nhưng công ty có đủ bảo hiểm để đền bù tổn thất.
- Xem câu d. trên đây. Bây giờ giả định rằng công ty không có bảo hiểm trước những thiệt hại như thế.
- Một vụ đình công suốt 2 tuần của người lao động đã làm đóng cửa hoạt động phát hành báo. Hậu quả là công ty không thể giao báo cho những người đăng ký dài hạn tổng giá trị là \$2 triệu.

ĐÁNH GIÁ VÀ CÁO BẠCH VỐN CỔ ĐÔNG

Vốn cổ đông trong công ty là khoản lợi ích còn lại; nghĩa là, chủ sở hữu công ty có quyền đối với tất cả những tài sản mà không bị trung cầu để đáp ứng trái quyền của những người cho vay. Do đó, việc đánh giá tài sản và nghĩa vụ nợ trong bảng cân đối tài sản sẽ xác định việc đánh giá tổng vốn cổ đông.

Vấn đề còn lại liên quan đến cách cáo bạch vốn cổ đông này. Kế toán phân biệt giữa vốn do chủ sở hữu đóng góp và thu nhập giữ lại của công ty. Nói chung, bảng cân đối tài sản của một công ty tách biệt giữa số tiền mà cổ đông đóng góp trực tiếp vào công ty để hưởng lãi (tức cổ phần thường), và thu nhập mà sau đó công ty thực hiện được vượt quá cổ tức (tức thu nhập giữ lại).

Ngoài ra, bảng cân đối tài sản thường phân chia số tiền số tiền cổ đông nhận được thành **mệnh giá** hay **giá trị khai báo** của cổ phần và **số vốn góp vượt quá mệnh giá**. Mệnh giá hay giá trị khai báo của cổ phần là số tiền ấn định phù hợp với luật công ty của tiểu bang và hiếm khi bằng với giá trị thị trường của cổ phần vào thời điểm công ty phát hành. Kết quả là sự phân biệt giữa mệnh giá và vốn góp vượt mệnh giá không có giá trị thông tin, mà cũng chẳng có tầm quan trọng kinh tế. (Chương 12 sẽ thảo luận chi tiết việc hạch toán vốn cổ đông.)

Ví dụ 16. Công ty Stephen chính thức được thành lập vào ngày 1 tháng 1 năm 1. Công ty phát hành 15.000 cổ phần thường mệnh giá \$10, thu được \$10 mỗi cổ phần. Trong năm 1, công ty Stephen tạo ra thu nhập ròng là \$30.000 và chia cổ tức \$10.000 cho các cổ đông. Mục vốn cổ đông trong bảng cân đối tài sản của công ty Stephen vào ngày 31-12 năm 1 là như sau:

Cổ phần thường (mệnh giá 10, số lượng 15.000 cổ phần được phát hành và đang lưu hành)	150.000
Thu nhập giữ lại	<u>20.000</u>
Tổng vốn cổ đông	170.000

Ví dụ 17. Thay vì phát hành cổ phần thường mệnh giá \$10 như trong ví dụ 16, công ty Stephen phát hành 15.000 cổ phần mệnh giá \$1 và vẫn thu được \$10 một cổ phần. (Giá trị thị trường của cổ phần thường sẽ tùy thuộc vào giá trị kinh tế của công ty, chứ không phụ thuộc vào mệnh giá của cổ phần.) Mục vốn cổ đông trên bảng cân đối tài sản của công ty Stephen vào ngày 31-12 năm 1 như sau:

Cổ phần thường (mệnh giá 1\$, số lượng 15.000 cổ phần được phát hành và đang lưu hành)	15.000
Vốn đóng góp vượt quá mệnh giá	135.000
Thu nhập giữ lại	<u>20.000</u>
Tổng vốn cổ đông	170.000

Những công ty đăng ký theo luật dưới dạng doanh nghiệp hợp danh hay cá thể không phân biệt giữa vốn đóng góp và thu nhập giữ lại trong bảng cân đối tài sản. Đúng hơn, mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối tài sản kết hợp phần vốn góp của chủ sở hữu và phần lợi nhuận của chủ sở hữu vượt quá mức phân chia.

Ví dụ 18. Tham khảo ví dụ 16 và 17. Giả định rằng William Kinsey và Brenda Stephen tổ chức công ty như một doanh nghiệp hợp danh, với Kinsey và Stephen là hai đối tác ngang nhau. Mục vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối tài sản của công ty ngày 31-12 năm 1 như sau:

William Kinsey, vốn	85.000
Brenda Stephen, vốn	<u>85.000</u>
Tổng vốn sở hữu	170.000

Theo định nghĩa, doanh nghiệp cá thể chỉ có 1 chủ sở hữu.

QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN ĐỂ LẬP BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Sau khi đã có các khái niệm làm cơ sở cho bảng cân đối tài sản, bây giờ chúng ta có thể xem thử làm thế nào áp dụng các khái niệm này vào việc lập bảng báo cáo tài chính này. Chúng tôi muốn giúp bạn có được sự hiểu biết đầy đủ về quá trình kế toán liên quan đến việc lập bảng cân đối tài sản sao cho bạn có thể diễn giải và phân tích báo cáo lập nên.

ẢNH HƯỞNG HAI MẶT CỦA CÁC GIAO DỊCH ĐỐI VỚI PHƯƠNG TRÌNH CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Phương trình cân đối tài sản duy trì sự cân bằng giữa tổng tài sản và tổng nghĩa vụ nợ cộng với vốn cổ đông thông qua báo cáo ảnh hưởng của *mỗi* giao dịch theo hai mặt. Bất kỳ một giao dịch riêng lẻ nào cũng có một trong 4 ảnh hưởng sau đây, hoặc kết hợp các ảnh hưởng sau:

1. Làm tăng cả tài sản và nghĩa vụ nợ hay vốn cổ đông.
2. Làm giảm cả tài sản và nghĩa vụ nợ hay vốn cổ đông.
3. Làm tăng tài sản này và làm giảm tài sản khác.
4. Làm tăng một nghĩa vụ nợ hay vốn cổ đông và làm giảm một nghĩa vụ nợ khác hay vốn cổ đông.

Để hiểu ảnh hưởng hai mặt của các giao dịch khác nhau đối với phương trình cân đối tài sản, ta hãy xem xét các giao dịch của công ty Miller trong tháng 1:

- (1) Vào ngày 1-1, công ty phát hành 10.000 cổ phần thường mệnh giá \$10 để thu được \$100.000 tiền mặt.
- (2) Công ty mua thiết bị trị giá \$60.000 trả tiền mặt vào ngày 5-1.
- (3) Vào ngày 15-1, công ty mua hàng về (để bán) trị giá \$15.000 từ một nhà cung ứng với phương thức trả chậm.
- (4) Vào ngày 21-1, công ty trả nhà cung ứng \$8.000 trong số tiền nợ trong giao dịch (3).
- (5) Nhà cung ứng trong giao dịch (3) chấp nhận 700 cổ phần thường tính theo mệnh giá để thanh toán số tiền \$7.000 còn nợ.
- (6) Vào ngày 31-1, công ty trả \$600 tiền mặt tiền phí bảo hiểm 1 năm tính từ ngày 1-2.
- (7) Ngày 31-1, công ty Miller nhận 3.000 từ khách hàng thanh toán cho tiền hàng mà công ty sẽ giao trong tháng 2.

Bảng 2.1 minh họa ảnh hưởng hai mặt của các giao dịch này đối với phương trình cân đối tài sản. Lưu ý rằng sau mỗi giao dịch, tài sản luôn luôn bằng với nghĩa vụ nợ cộng vốn cổ đông.

Ảnh hưởng hai mặt được báo cáo cho mỗi giao dịch tiêu biểu cho một dòng vào và một dòng ra. Ví dụ, công ty phát hành cổ phần thường cho cổ đông và nhận được

BẢNG 2.1

Công ty Miller

Minh họa ảnh hưởng hai mặt của các giao dịch đối với phương trình cân đối tài sản:

Giao dịch	Tài sản	=	Nghĩa vụ nợ	+	Vốn cổ đông
(1) Ngày 1-1, công ty Miller phát hành 10.000 cổ phần thường mệnh giá 10 để lấy 100.000 tiền mặt.	<u>+100.000</u>	0		+	<u>100.000</u>
Tổng	100.000	=	0	+	100.000
(2) Ngày 5-1, công ty mua thiết bị trị giá 60.000 bằng tiền mặt.	<u>-60.000</u>				
Tổng	<u>+60.000</u>				
(3) Ngày 15-1, công ty mua hàng trả chậm trị giá 15.000.	<u>+15.000</u>		<u>+15.000</u>		
Tổng	115.000	=	15.000	+	<u>100.000</u>
(4) Ngày 21-1, công ty trả cho nhà cung ứng 8.000 của số nợ trong giao dịch (3).	<u>-8.000</u>		<u>-8.000</u>		
Tổng	107.000	=	7.000	+	<u>100.000</u>
(5) Nhà cung ứng trong giao dịch (3) nhận 700 cổ phần thường theo mệnh giá để thanh toán số nợ 7000 còn lại.			<u>-7.000</u>		<u>7.000</u>
Tổng	107.000	=	0	+	<u>107.000</u>
(6) Ngày 31-1, công ty trả 600 tiền phí bảo hiểm một năm bắt đầu từ 1-2.	<u>+600</u>				
Tổng	<u>-600</u>				
(7) Ngày 31-1, công ty nhận 3.000 từ khách hàng cho 1 món hàng sẽ được giao trong tháng 2.	<u>+3.000</u>		<u>+3.000</u>		
Tổng số, ngày 31-1	110.000	=	3.000	+	<u>107.000</u>

tiền mặt. Công ty tiến hành chi tiêu đầu tư và nhận được trang thiết bị. Công ty cam kết trả tiền mặt trong tương lai cho nhà cung ứng và nhận được hàng. Hầu hết các giao dịch và sự kiện được báo cáo trong hệ thống kế toán đều hình thành từ sự trao đổi. Số liệu kế toán phản ánh các dòng vào và dòng ra phát sinh từ những trao đổi này.

MỤC ĐÍCH VÀ SỬ DỤNG CÁC TÀI KHOẢN

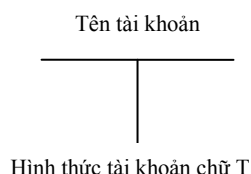
Chúng ta có thể lập bảng cân đối tài sản cho công ty Miller vào ngày 31-1 bằng những thông tin trên. Tổng tài sản là \$110.000. Tuy nhiên, việc lập bảng cân đối tài sản đòi hỏi phải theo dõi ảnh hưởng của mỗi giao dịch đối với tổng tài sản nhằm xác định phần nào trong số \$110.000 là tiền mặt, hàng trong kho, và trang thiết bị. Tương tự, ảnh hưởng của mỗi giao dịch đối với tổng nghĩa vụ và vốn cổ đông cũng đòi hỏi chúng ta phải theo dõi lại để đánh giá xem tổng số \$110.000 được tạo thành từ nghĩa vụ nợ và số tiền vốn cổ đông là bao nhiêu. Thậm chí chỉ một vài giao dịch trong kỳ kế toán cũng làm cho phương pháp lập bảng cân đối tài sản này trở nên rắc rối. Hàng ngàn giao dịch trong kỳ kế toán đối với hầu hết các công ty đòi hỏi phải có một phương pháp thực tế hơn để ghi chép các giá trị trên bảng cân đối tài sản. Để tích lũy các thay đổi diễn ra trong mỗi khoản mục của bảng cân đối tài sản, kế toán dùng một công cụ gọi là *tài khoản*.

Yêu cầu đối với một tài khoản. Một khoản mục trên bảng cân đối tài sản chỉ có thể chỉ tăng, giảm, hay giữ nguyên trong kỳ. Do đó, một tài khoản phải thể hiện sự tích lũy các khoản tăng hay giảm (nếu có) xảy ra trong kỳ đối với một khoản mục của bảng cân đối tài sản. Tổng các

khoản bổ sung trong kỳ làm tăng số dư mang sang từ báo cáo trước (số dư đầu kỳ), tổng các khoản giảm trong kỳ làm giảm số dư đó, và kết quả là số dư mới của bảng cân đối tài sản.

Hình thức của một tài khoản. Tài khoản có thể có nhiều hình thức, và thông lệ kế toán thường dùng một số hình thức.

Có lẽ hình thức hữu ích nhất của tài khoản cho các sách giáo khoa, bài tập và bài thi là **tài khoản chữ T**. Trong thực hành, người ta không dùng hình thức tài khoản này, có lẽ ngoại trừ các bản ghi nhớ và các phân tích sơ bộ. Tuy nhiên, tài khoản chữ T thỏa mãn yêu cầu của một tài khoản và dễ sử dụng. Như tên gọi cho thấy, tài khoản chữ T trông giống như chữ T, với một đường nằm ngang được chia đôi bằng một đường thẳng đứng. Tên tài khoản xuất hiện trên đường nằm ngang. Một phía của không gian tạo ra bởi đường thẳng đứng sẽ ghi chép sự gia tăng khoản mục và phía bên kia sẽ ghi chép các khoản giảm trong khoản mục. Ngày tháng và các thông tin khác cũng có thể được trình bày.



Hình thức tài khoản trong kế toán thực tế tùy thuộc vào loại hệ thống kế toán sử dụng. Trong hệ thống thủ công, các tài khoản có thể có hình thức của một trang giấy rời với các cột ghi các khoản tăng và giảm; trong hệ thống vi tính, tài khoản có thể là một nhóm các khoản mục có mã số tương tự trong một tập tin. Bất luận hình thức như thế nào, một tài khoản phải có số dư đầu kỳ cũng như các khoản tăng và giảm hình thành từ các giao dịch trong kỳ.

Đưa các khoản tăng hay giảm vào tài khoản. Với một tài khoản gồm có hai bên như đã cho, ta phải chọn 1 bên để ghi các khoản tăng và bên kia để ghi các khoản giảm. Tập quán lâu nay thường tuân theo 3 qui tắc sau:

1. Kế toán đưa các khoản tăng của tài sản vào bên trái và các khoản giảm của tài sản vào bên phải.
2. Kế toán đưa các khoản tăng của nghĩa vụ nợ vào bên phải và các khoản giảm của nghĩa vụ nợ vào bên trái.
3. Kế toán đưa các khoản tăng của vốn cổ đông vào bên phải và các khoản giảm của vốn cổ đông vào bên trái.

Tập quán này phản ánh sự kiện là trong phương trình cân đối tài sản, các tài sản xuất hiện ở bên trái của dấu bằng (=), còn nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông ở phía bên phải của dấu bằng. Theo cách trình bày này, số dư của tài sản sẽ xuất hiện phía bên trái của các tài khoản; số dư của nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông sẽ xuất hiện ở phía bên phải. Số dư của tài sản chỉ xuất hiện ở phía bên trái khi phía bên trái của tài khoản ghi các khoản tăng tài sản. Tương tự, số dư của nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông chỉ xuất hiện ở phía bên phải khi phía bên phải của tài khoản ghi các khoản tăng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông. Khi nhà kế toán phân tích thỏa đáng mỗi giao dịch theo ảnh hưởng hai mặt của nó đối với phương trình cân đối tài sản và tuân theo 3 nguyên tắc ghi chép các giao dịch trên, mỗi giao dịch sẽ dẫn đến việc ghi chép những số tiền bằng nhau vào phía bên trái và phía bên phải của các tài khoản khác nhau.

Ghi nợ và ghi có. Các nhà kế toán dùng hai ký hiệu thuận tiện – ghi nợ (debit - Nợ) và ghi có (credit - Có). **Ghi nợ**, dùng như một động từ, có nghĩa là “nhập số liệu vào phía bên trái của một

tài khoản”, và **nợ**, dùng như một tính từ hay danh từ, có nghĩa là “một khoản ghi vào phía bên trái của một tài khoản.” **Ghi có**, dùng như một động từ, có nghĩa là “nhập số liệu vào phía bên phải của một tài khoản”, và **có**, dùng như một tính từ hay danh từ, có nghĩa là “một khoản ghi vào phía bên phải của một tài khoản”. Tuy nhiên, thông thường các nhà kế toán dùng từ “charge” (tính) thay cho “ghi nợ”, như một danh từ và động từ. Đối với những khoản mục trong bảng cân đối tài sản, một khoản *ghi nợ* thể hiện: (1) một khoản tăng của một tài sản, (2) một khoản giảm của một nghĩa vụ nợ, hay (3) một khoản giảm của vốn cổ đông. Một khoản *ghi có* thể hiện: (1) một khoản giảm của một tài sản, (2) một khoản tăng của một nghĩa vụ nợ, hay (3) một khoản tăng của vốn cổ đông.

Để duy trì sự cân bằng của phương trình cân đối tài sản, nhà kế toán phải bảo đảm rằng đối với mỗi giao dịch, số tiền ghi nợ vào một tài khoản phải bằng với số tiền ghi có vào một tài khoản khác. Tương tự, tổng số dư trong các tài khoản có *số dư nợ* vào cuối kỳ phải bằng tổng số dư trong các tài khoản có *số dư có*.

Tóm tắt thuật ngữ và quá trình kế toán. Các tài khoản chữ T sau đây tóm tắt việc sử dụng hình thức tài khoản theo thông lệ và các thuật ngữ *nợ* và *có*:

Tài khoản tài sản bất kỳ		Tài khoản nghĩa vụ nợ bất kỳ	
✓ Số dư đầu kỳ			✓ Số dư đầu kỳ
Tăng	Giảm	Giảm	Tăng
+	-	-	+
Nợ	Có	Nợ	Có
✓ Số dư cuối kỳ			✓ Số dư cuối kỳ

Tài khoản vốn cổ đông bất kỳ	
	✓ Số dư đầu kỳ
Giảm	Tăng
-	+
Nợ	Có
	✓ Số dư cuối kỳ

Theo thông lệ, dấu ✓ trong tài khoản biểu thị một số dư.

PHẢN ẢNH ẢNH HƯỞNG HAI MẶT CỦA CÁC GIAO DỊCH TRONG CÁC TÀI KHOẢN

Bây giờ chúng ta có thể thấy ảnh hưởng hai mặt của các giao dịch làm thay đổi các tài khoản như thế nào. Chúng ta dùng 3 tài khoản chữ T riêng biệt: một cho tài sản, một cho nghĩa vụ nợ và một cho vốn cổ đông. Ảnh hưởng hai mặt của các giao dịch của công ty Miller trong tháng 1 được mô tả trên đây trong chương này sẽ được trình bày trong các tài khoản chữ T trong bảng 2.2.

BẢNG 2.2

Công ty Miller

Tóm tắt các tài khoản chữ T biểu thị các giao dịch trong tháng 1

	Tài sản		=	Nghĩa vụ nợ		+	Vốn cổ đông	
	Tăng (Nợ)	Giảm (Có)		Giảm (Nợ)	Tăng (Có)		Giảm (Nợ)	Tăng (Có)
(1) Phát hành cổ phiếu thường lấy tiền mặt	100.000							100.000
(2) Mua thiết bị bằng tiền mặt	60.000	60.000						
(3) Mua hàng trả chậm ...								

.....	15.000			15.000	
(4) Trả tiền cho nhà cung ứng trong (3)		8.000	8.000		
(5) Phát hành cổ phiếu thường cho nhà cung ứng trong (3)....			7.000		7.000
(6) Trả trước phí bảo hiểm	600	600			
(7) Thu trước tiền mặt từ khách hàng	3.000			3.000	
Số dư	✓ 110.000			3.000 ✓	107.000 ✓

BẢNG 2.3

Công ty Miller - Các tài khoản chữ T thể hiện các giao dịch:

Tiền mặt (tài sản)

Tăng (Nợ)	Giảm (Có)
(1) 100.000	60.000 (2)
(7) 3.000	8.000 (4)
	600 (6)
Số dư	34.400

Khoản phải trả (nghĩa vụ nợ)

Giảm (Nợ)	Tăng (Có)
(4) 8.000	15.000 (3)
(5) 7.000	
	0
	Số dư

Hàng trong kho (tài sản)

Tăng (Nợ)	Giảm (Có)
(3) 15.000	
Số dư	15.000

Trả trước từ khách hàng (nghĩa vụ nợ)

Giảm (Nợ)	Tăng (Có)
	3.000 (7)
	3.000
	Số dư

Bảo hiểm trả trước (tài sản)

Tăng (Nợ)	Giảm (Có)
(6) 600	
Số dư	600

Cổ phiếu thường (vốn cổ đông)

Giảm (Nợ)	Tăng (Có)
	100.000 (1)
	7.000 (5)
	107.000
	Số dư

Thiết bị (tài sản)

Tăng (Nợ)	Giảm (Có)
(2) 60.000	
Số dư	60.000

Ứng với từng giao dịch, số tiền được ghi vào bên trái (ghi nợ) của các tài khoản bằng với số tiền được ghi vào bên phải (ghi có) của các tài khoản. Việc ghi chép *nợ* và *có* bằng nhau cho mỗi giao dịch bảo đảm rằng phương trình cân đối tài sản luôn luôn cân bằng. Vào cuối tháng 1, tài khoản tài sản có số dư nợ là \$110.000. Các số dư trong các tài khoản nghĩa vụ nợ và tài khoản vốn cổ đông cộng lại cho ta số dư có là \$110.000.

Việc tính toán trực tiếp số tiền của mỗi khoản mục tài sản, nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông đòi hỏi phải có một tài khoản riêng cho từng khoản mục của bảng cân đối tài sản, chứ không phải chỉ có một tài khoản chung cho một trong ba chủng loại nói trên. Tiến trình ghi chép cũng tương tự, chỉ khác là ghi nợ và ghi có cho từng tài khoản tài sản hay vốn sở hữu cụ thể.

Bảng 2.3 ghi chép các giao dịch của công ty Miller trong tháng 1 bằng các tài khoản chữ T cho từng khoản mục của bảng cân đối tài sản. Các con số trong dấu ngoặc đơn ứng với 7 giao

dịch trong tháng 1 của công ty Miller. Hầu hết các nhà kế toán sẽ dùng các dấu ✓ để biểu thị một số dư như trong bảng 2.2, chứ không viết ra thành lời như chúng ta làm trong bảng 2.3.

Tổng tài sản của công ty Miller là \$110.000 vào ngày 31-1 bao gồm \$34.400 tiền mặt, \$15.000 hàng trong kho, \$600 bảo hiểm trả trước, và \$60.000 trị giá thiết bị. Tổng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông của công ty \$110.000 bao gồm \$3.000 trả trước từ khách hàng và \$107.000 cổ phiếu thường.

Ta có thể lập bảng cân đối tài sản bằng những số tiền thể hiện là các số dư trong các tài khoản chữ T. Bảng cân đối tài sản của công ty Miller sau 7 giao dịch trong tháng 1 được biểu thị trong bảng 2.4.

BẢNG 2.4

Bảng cân đối tài sản của Công ty Miller, ngày 31-1 – Đơn vị tính: đô-la

TÀI SẢN	
Tài sản hiện hành	
Tiền mặt	34.400
Hàng trong kho	15.000
Bảo hiểm trả trước	<u>600</u>
Tổng tài sản hiện hành	50.000
Nhà xưởng, máy móc, thiết bị	
Thiết bị	<u>60.000</u>
Tổng tài sản	\$110.000
NGHĨA VỤ NỢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG	
Nghĩa vụ nợ hiện hành	
Trả trước từ khách hàng	3.000
Vốn cổ đông	
Cổ phiếu thường	<u>107.000</u>
Tổng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông	\$110.000

BÀI TỰ LUYỆN 2.3: Tài khoản chữ T cho các giao dịch khác nhau

Lập tài khoản chữ T cho các tài khoản sau:

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| * Tiền mặt | * Thiết bị |
| * Hàng trong kho | * Khoản phải trả |
| * Tiền thuê trả trước | * Trái phiếu phải trả |
| * Đất đai | * Cổ phiếu thường – mệnh giá |
| * Nhà xưởng | * Vốn góp vượt quá mệnh giá |

Hãy cho biết mỗi tài khoản nói trên là một khoản mục tài sản, hay nghĩa vụ nợ, hay vốn cổ đông, rồi nhập các giao dịch được mô tả dưới đây vào các tài khoản chữ T.

- (1) Công ty phát hành 20.000 cổ phần thường mệnh giá \$10 để lấy \$12/cổ phần.
- (2) Công ty phát hành 100.000 trái phiếu theo giá trị vốn gốc để thu \$100.000 tiền mặt.
- (3) Công ty dùng \$220.000 tiền mặt mua một miếng đất trị giá \$40.000 và xây một toà nhà trị giá \$180.000.
- (4) Công ty mua thiết bị trả chậm trị giá \$25.000 và hàng trả chậm trị giá \$12.000.
- (5) Công ty ký hợp đồng thuê thiết bị và trả trước tiền thuê là 1.500.

(6) Công ty trả 28.000 cho nhà cung ứng trong giao dịch (4).

TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

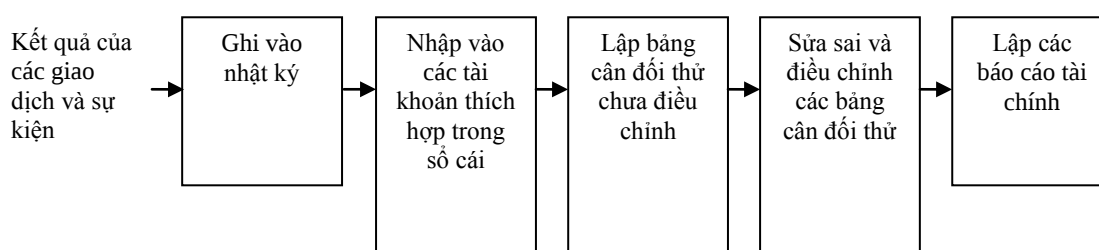
Khung hạch toán sổ kép sẽ ghi chép kết quả của các giao dịch và sự kiện khác nhau trong các tài khoản để giúp lập các báo cáo tài chính định kỳ. Một cách khái quát, hệ thống kế toán được thiết kế quanh khung hạch toán này liên quan đến những hoạt động sau:

1. Nhập kết quả của mỗi giao dịch vào một cuốn sổ, gọi là *nhật ký sổ cái*, dưới hình thức một mục nhật ký sổ cái, một quá trình gọi là *ghi nhật ký sổ cái*.
2. Chép lại số tiền từ các mục nhật ký trong nhật ký sổ cái vào các tài khoản trong một sổ cái, một quá trình gọi là *vào tài khoản sổ cái*.
3. Lập bảng cân đối thử cho các tài khoản trong sổ cái.
4. Điều chỉnh và sửa sai các mục nhật ký sổ cái vào các tài khoản liệt kê trong bảng cân đối thử và nhập các mục này vào các tài khoản trong sổ cái.
5. Lập báo cáo tài chính từ bảng cân đối thử sau khi điều chỉnh và sửa sai các mục.

Hình 2.1 trình bày các hoạt động này, mà trong phần sau chúng ta sẽ mô tả thêm và minh họa bằng các giao dịch của công ty Miller trong tháng 1.

Hình 2.1

Tóm tắt quá trình kế toán



GHI NHẬT KÝ (JOURNALIZING)

Trước tiên, từng giao dịch sẽ được ghi vào nhật ký kế toán dưới hình thức một **mục nhật ký**. Mục nhật ký tiêu chuẩn như sau:

Ngày	Tài khoản ghi nợ	Số tiền ghi nợ
	Tài khoản ghi có	Số tiền ghi có
Giải thích giao dịch hay sự kiện được ghi nhật ký.		

Đôi khi ngày tháng được trình bày trên một dòng riêng.

Nhật ký chỉ là một cuốn sổ hay một tập hồ sơ chứa một danh mục gồm nhiều mục ghi chép hàng ngày theo thứ tự thời gian, giống như một cuốn nhật ký. Nhật ký thường được gọi là *sổ nhập gốc*, chứa đựng những ghi chép đầu tiên về từng giao dịch trong hệ thống kế toán.

Các mục nhật ký cho 7 giao dịch của công ty Miller trong tháng 1 như sau:

(1) Ngày 1-1	Tiền mặt	100.000	
	Cổ phiếu thường		100.000
	<i>Phát hành 10.000 cổ phiếu thường mệnh giá 10 lấy tiền mặt.</i>		
(2) Ngày 5-1	Thiết bị	60.000	
	Tiền mặt		60.000
	<i>Mua thiết bị trị giá 60.000 bằng tiền mặt.</i>		
(3) Ngày 15-1	Hàng trong kho	15.000	
	Khoản phải trả		15.000
	<i>Mua hàng trị giá 15.000 trả chậm.</i>		
(4) Ngày 21-1	Khoản phải trả	8.000	
	Tiền mặt		8.000
	<i>Trả nghĩa vụ nợ 8.000 bằng tiền mặt.</i>		
(5) Ngày 21-1	Khoản phải trả	7.000	
	Cổ phiếu thường		7.000
	<i>Phát hành 700 cổ phiếu thường mệnh giá 10 để thanh toán 7.000 trong khoản phải trả.</i>		
(6) Ngày 31-1	Bảo hiểm trả trước	600	
	Tiền mặt		600
	<i>Đóng trước phí bảo hiểm hỏa hoạn một năm 600.</i>		
(7) Ngày 31-1	Tiền mặt	3.000	
	Trả trước từ khách hàng		3.000
	<i>Nhận 3.000 của khách hàng trả trước cho hàng sẽ giao trong tháng 2.</i>		

Ghi nhật ký là bước cơ học đầu tiên giúp bạn hiểu tác động của các giao dịch khác nhau đối với các báo cáo tài chính của công ty và chuẩn bị giải đáp cho những bài toán ở cuối chương này. Bạn không thể chắc chắn rằng mình hiểu một giao dịch kinh doanh cho đến khi nào bạn phân tích được giao dịch đó vào các khoản ghi nợ và ghi có, và lập một mục ghi chép nhật ký thích hợp. Sau này, bạn sẽ thấy rằng sau khi nhà kế toán ghi chép mục nhật ký, tất cả các bước còn lại trong quá trình kế toán chỉ có tính chất thủ tục, chứ không đòi hỏi sự phân tích trí tuệ. Một khi nhà kế toán đã ghi chép một mục nhật ký thích hợp cho một giao dịch, các báo cáo tài chính có được sau tất cả các bước ghi chép cơ học sẽ phản ánh thỏa đáng ảnh hưởng của giao dịch đó. Trong toàn quyển sách này, chúng ta sẽ dùng các mục nhật ký làm những công cụ phân tích.

NHẬP VÀO TÀI KHOẢN SỔ CÁI (POSTING TO GENERAL LEDGER)

Vào những thời điểm định kỳ (ví dụ, hàng tuần hay hàng tháng), nhà kế toán ghi các giao dịch trong nhật ký sổ cái vào các tài khoản riêng trong một sổ cái. Trong các phương pháp thủ công, **sổ cái** là một cuốn sổ với các trang tách biệt cho từng tài khoản. Trong hệ thống vi tính, sổ cái có dạng một số truy cập trong một tập tin vi tính. Tài khoản chữ T mô tả trên đây đóng vai trò như một đại diện hữu ích cho một tài khoản trong sổ cái. Bảng 2.3 đã trình bày việc nhập các mục nhật ký từ sổ nhật ký của công ty Miller vào các tài khoản trong sổ cái.

Cũng như các mục nhật ký, các tài khoản chữ T giúp chuẩn bị giải đáp cho các bài toán kế toán và sẽ xuất hiện trong cả quyển sách này.

LẬP BẢNG CÂN ĐỐI THỬ TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH (TRIAL BALANCE)

Bảng cân đối thử liệt kê từng tài khoản trong sổ cái với số dư vào một ngày cụ thể. Cân đối thử của công ty Miller vào ngày 31-1 được thể hiện trong bảng 2.5.

Sự cân bằng giữa tổng dư nợ và tổng dư có giúp ta kiểm tra tính chính xác về số học trong tiến trình hạch toán kép đã thực hiện trong kỳ. Nếu bảng cân đối không cân bằng, người ta phải dò lại các bước đã tiến hành trong việc xử lý số liệu kế toán để tìm nguồn gốc sai số.

BẢNG 2.5

Công ty Miller

Bảng cân đối thử trước điều chỉnh, ngày 31-1

Đơn vị tính: đô-la

Tài khoản	Số tiền trong các tài khoản có số dư nợ	Số tiền trong các tài khoản có số dư có
Tiền mặt	34.400	
Hàng trong kho.	15.000	
Bảo hiểm trả trước	600	
Thiết bị	60.000	
Trả trước từ khách hàng		3.000
Cổ phiếu thường		107.000
Tổng	110.000	110.000

BẢNG CÂN ĐỐI THỬ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH VÀ SỬA SAI

Nhà kế toán phải sửa chữa những sai số dò tìm được khi xử lý số liệu kế toán. Loại điều chỉnh thường xuyên nhất thường xảy ra đối với những sự kiện không được ghi chép mà giúp người ta đo lường thu nhập ròng trong kỳ và vị thế tài chính vào cuối kỳ. Ví dụ, vào cuối tháng 2, nhà kế toán sẽ điều chỉnh giảm tài khoản bảo hiểm trả trước để phản ánh phần dịch vụ bảo hiểm đã hết hạn trong tháng 2. Chương 3 và chương 4 sẽ thảo luận loại điều chỉnh này đầy đủ hơn. Hầu hết các điều chỉnh và sửa sai liên quan đến việc lập một mục nhật ký, ghi mục này vào nhật ký sổ cái và vào các tài khoản trong sổ cái.

LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người ta có thể lập bảng cân đối tài sản và báo cáo thu nhập từ bảng cân đối thử sau khi điều chỉnh và sửa sai. Vì công ty Miller không cần phải sửa sai hay điều chỉnh các mục, nên bảng cân đối tài sản trình bày trong bảng 2.4 đúng như đã thể hiện. Các chương sau sẽ xem xét tiến trình kế toán để lập báo cáo thu nhập và báo cáo ngân lưu.

Kết quả của các giao dịch và sự kiện khác nhau lưu chuyển trong hệ thống kế toán bắt đầu bằng việc ghi nhật ký sổ cái và kết thúc bằng các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán các báo cáo tài chính của các kiểm toán viên độc lập thường đi theo chiều ngược lại. Kiểm toán viên bắt đầu bằng các báo cáo tài chính đã được lập bởi các nhà quản lý rồi theo dõi các khoản mục khác nhau ngược trở lại thông qua các tài khoản cho đến các chứng từ gốc (ví dụ, hoá đơn bán hàng, các tấm séc đã thanh toán) mà hỗ trợ cho các mục nhật ký trong nhật ký sổ cái. Như vậy người ta có thể đi tới và đi lui giữa các chứng từ gốc, mục nhật ký, tài khoản sổ cái, và các báo cáo tài chính.

TÊN CÁC TÀI KHOẢN TRONG BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Phần này mô tả tên các tài khoản trong bảng cân đối tài sản thường dùng. Việc mô tả này giúp chúng ta hiểu bản chất của các tài sản, nghĩa vụ nợ, và vốn cổ đông cũng như chọn tên tài khoản thích hợp để dùng khi giải bài toán. Người ta có thể dùng các tên tài khoản thay thế nhau. Việc liệt kê tên các tài khoản không trình bày hết toàn bộ tên những tài khoản được sử dụng trong

quyền sách này hay xuất hiện trên các báo cáo tài chính của các công ty có cổ phần niêm yết. Nhiều sinh viên mới trở nên lo lắng thái quá về việc dùng từ chính xác cho tên của các tài khoản. Chúng ta chỉ yêu cầu các sinh viên là tên tài khoản phải có tính miêu tả và không mơ hồ, và các sinh viên phải dùng tên tài khoản thống nhất (hay tương tự) cho những khoản mục như nhau (hay tương tự nhau).

TÀI SẢN

Tiền mặt: Tiền đồng và tiền giấy và các khoản mục như séc ngân hàng, và lệnh trả tiền (các khoản mục này đơn thuần chỉ là các quyền đòi tiền đối với các cá nhân hay tổ chức nhưng theo thói quen vẫn được gọi là tiền mặt), tiền gửi ngân hàng mà công ty có thể ký phát séc, và tiền gửi có kỳ hạn, thường là tài khoản tiết kiệm và giấy chứng nhận tiền gửi.

Chứng khoán có thể mua bán nhanh: Trái phiếu chính phủ hay cổ phiếu và trái phiếu công ty mà công ty dự định nắm giữ trong một thời gian tương đối ngắn. Từ *có thể mua bán nhanh* ngụ ý rằng công ty có thể dễ dàng mua và bán trên thị trường chứng khoán, ví dụ như thị trường chứng khoán New York.

Khoản phải thu: Số tiền khách hàng còn nợ của việc bán hàng hoá hay dịch vụ. Việc thu tiền diễn ra một thời gian sau khi bán hàng. Tài khoản này còn được gọi là *tài khoản thu* hay *tài khoản mở*. Thuật ngữ “khoản phải thu” dùng trong bảng cân đối tài sản mô tả số liệu tiêu biểu cho tổng số tiền có thể thu được từ tất cả khách hàng. Dĩ nhiên, công ty có sổ sách ghi chép riêng cho công nợ của từng khách hàng.

Tín dụng phải thu: Số tiền còn nợ của khách hàng hay những người khác mà công ty cho vay hay cung ứng tín dụng. Khách hàng hay những người vay khác lập văn bản xác nhận nợ dưới hình thức một văn tự nợ chính thức (khác với quyền đòi nợ dưới hình thức khoản phải thu nói trên).

Lãi phải thu: Tiền lãi từ những tài sản như giấy hẹn trả tiền hay trái phiếu tích lũy (hay phát sinh) khi thời gian trôi qua mà công ty chưa thu về vào ngày lập bảng cân đối tài sản.

Hàng trong kho: Hàng mua về để bán, như thực phẩm đóng hộp trên kệ của một cửa hàng tạp hoá hay quần áo trên giá của một cửa hàng trang phục.

Nguyên vật liệu trong kho: Nguyên vật liệu chưa dùng đến để chế tạo sản phẩm.

Vật tư trong kho: Dầu nhớt, giấy nhám, và các vật liệu phụ khác dùng trong hoạt động sản xuất chế tạo; bao bì, dây buộc, hộp, và các vật liệu đóng gói khác; xăng dầu, phụ tùng thay thế, và các vật tư khác.

Sản phẩm dở dang trong kho: Sản phẩm chế tạo chưa hoàn tất.

Thành phẩm trong kho: Sản phẩm đã sản xuất hoàn chỉnh nhưng chưa bán.

Bảo hiểm trả trước: Phí bảo hiểm trả trước để được bảo hiểm trong tương lai.

Trả trước cho nhà cung ứng: Khoản thanh toán trả trước cho những hàng hoá và dịch vụ mà công ty sẽ nhận vào một thời điểm tương lai. Nếu khi đặt hàng công ty không chi một khoản tiền mặt, thì công ty không ghi đó là một tài sản.

Tiền thuê trả trước: Tiền thuê thanh toán trước để sử dụng nhà, đất, hay thiết bị trong tương lai. Ngoài tên tài khoản như trên, tài khoản này còn được gọi là “Trả trước cho người cho thuê”.

Đầu tư vào chứng khoán: Trái phiếu hay cổ phần thường hay cổ phần ưu đãi mà công ty *dự định* nắm giữ trong thời gian tương đối dài, thường lâu hơn 1 năm.

Đất đai: Đất sử dụng trong hoạt động kinh doanh hoặc đã được xây dựng nhà xưởng dùng trong hoạt động kinh doanh.

Nhà xưởng: Xưởng chế tạo, nhà kho, nhà để xe, v.v...

Máy móc thiết bị: máy tiện, lò đốt, máy công cụ, nồi hơi, máy vi tính, thùng chứa, cần trục, băng chuyền, xe ô tô v.v...

Trang bị nội thất và đồ dùng: bàn làm việc, bàn ghế, quầy hàng, kệ bày hàng, cân, và các trang bị văn phòng và bán hàng khác.

Khấu hao lũy kế: Số tiền tích lũy chi phí của các tài sản dài hạn (như nhà xưởng và máy móc thiết bị) được phân bổ vào chi phí sản xuất hay vào các thời đoạn hiện tại và trước đây để xác định thu nhập ròng. Số tiền trong các tài khoản này làm giảm chi phí mua của một tài sản dài hạn liên quan đến nó khi đo lường *giá trị sổ sách ròng* của tài sản trình bày trên bảng cân đối tài sản.

Tài sản thuê theo hợp đồng: Quyền được sử dụng tài sản do người khác sở hữu.

Chi phí tổ chức: Số tiền trả cho các khoản chi phí pháp lý và đoàn thể, để in giấy chứng nhận cổ phiếu, và để hạch toán, và các chi phí khác phát sinh khi tổ chức một việc kinh doanh để nó có thể hoạt động.

Bằng phát minh: Quyền hạn trong thời gian 17 năm do chính phủ liên bang trao cho để loại trừ những người khác không được chế tạo, sử dụng, hay bán những qui trình hay dịch vụ nhất định. Theo GAAP hiện hành, công ty phải hạch toán chi phí nghiên cứu và phát triển trong năm phát sinh chứ không được công nhận là tài sản với những lợi ích tương lai. Kết quả là công ty nào tự xây dựng một bằng phát minh thì thông thường sẽ không được thể hiện bằng phát minh đó như một tài sản. Mặt khác, công ty nào mua bằng phát minh từ một công ty khác hay từ một cá nhân thì sẽ công nhận bằng phát minh này là tài sản. Chương 9 sẽ thảo luận cách xử lý không nhất quán về bằng phát minh tự phát triển trong nội bộ và bằng phát minh mua lại từ bên ngoài này.

Thương hiệu hay uy tín (good will): Khi một doanh nghiệp được mua lại bởi một công ty khác, kế toán ghi nhận vào khoản này phần chênh lệch mà số tiền mua có thể vượt quá tổng giá trị hiện có được xác định của các tài sản riêng lẻ. Kế toán nói chung không công nhận danh tiếng và các thuộc tính đáng mong đợi khác mà công ty tự tạo ra hay tự xây dựng là một tài sản. Tuy nhiên, khi công ty tiếp quản một công ty khác, kế toán lại công nhận những thuộc tính đáng mong muốn này là một tài sản tới mức mà chúng làm cho số tiền phải trả để tiếp quản công ty đó cao hơn giá trị của tất cả các tài sản xác định được trong việc tiếp quản.

NGHĨA VỤ NỢ

Khoản phải trả: Số tiền nợ khi mua hàng hoá dịch vụ trong một thoả thuận trả chậm không chính thức. Những khoản này thường phải trả trong 1 hay 2 tháng. Chính những khoản mục này sẽ xuất hiện trong tài khoản Khoản phải thu trong sổ sách của người bán hàng.

Tín dụng phải trả: Mệnh giá của các văn tự nợ (giấy hẹn trả tiền) gắn liền với những khoản vay từ ngân hàng hay với việc mua hàng hoá dịch vụ. Những khoản mục này sẽ xuất hiện trong tài khoản Tín dụng phải thu trong sổ sách của người cho vay hay người bán.

Lãi phải trả: Lãi của các khế ước vay phát sinh hay tích lũy khi thời gian trôi qua nhưng công ty chưa trả vào ngày lập bảng cân đối tài sản. Nghĩa vụ đối với lãi thường xuất hiện tách biệt với mệnh giá của khế ước vay. Chính những khoản mục này sẽ xuất hiện trong tài khoản Lãi phải thu trong sổ sách của người cho vay.

Thuế thu nhập phải trả: Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập ước tính, tích lũy và chưa nộp, dựa trên thu nhập chịu thuế của công ty từ đầu năm chịu thuế cho đến ngày lập bảng cân đối tài sản.

Trả trước từ khách hàng: Tên chung dùng để chỉ những khoản thu trước cho hàng hoá và dịch vụ mà công ty sẽ cung cấp cho khách hàng trong tương lai; một nghĩa vụ nợ không bằng tiền. Công ty có nghĩa vụ phải giao hàng hoá hay dịch vụ, chứ không phải trả lại tiền. Tuy thế, công ty ghi nghĩa vụ nợ này theo số tiền mà công ty đã nhận. Nếu công ty không nhận tiền khi khách hàng đặt hàng, thì công ty không ghi nhận nghĩa vụ nợ; hợp đồng này chưa được thi hành.

Trả trước từ người thuê, hay Tiền cho thuê thu trước: Đây là một ví dụ khác về một nghĩa vụ nợ không bằng tiền. Ví dụ, công ty sở hữu một toà nhà mà công ty cho thuê. Người thuê trả trước tiền thuê trong vài tháng. Ở thời điểm lập bảng cân đối tài sản, công ty không thể xem số tiền áp dụng cho tương lai như vậy là một phần của thu nhập, cho đến khi công ty thực hiện dịch vụ cho thuê theo thời gian. Như vậy, khoản tiền thu trước dẫn đến một nghĩa vụ nợ phải trả bằng dịch vụ (nghĩa là việc sử dụng toà nhà). Trong sổ sách của người thuê, khoản tiền này xuất hiện như một tài sản, gọi là Tiền thuê trả trước (hay Ứng trước cho chủ nhà).

Tín dụng dài hạn có thể chấp: Các chứng từ nợ dài hạn mà người vay (công ty) bảo đảm thanh toán bằng cách thế chấp những tài sản cụ thể như chứng khoán. Nếu người vay không trả nợ hay lãi vay như thỏa thuận, người cho vay có thể yêu cầu bán tài sản thế chấp để lấy tiền thanh toán khoản vay.

Trái phiếu phải trả: Số tiền công ty vay trong một thời đoạn tương đối dài dựa vào một văn tự giao ước chính thức về trái phiếu. Người vay thường nhận được khoản tiền vay từ một số người cho vay, tất cả những người này nhận văn tự trái phiếu làm bằng chứng cho khoản tiền họ cho vay.

Trái phiếu có thể chuyển đổi: Trái phiếu phải trả mà người giữ trái phiếu có thể chuyển sang hay đổi lấy cổ phần thường. Trên văn tự giao ước trái phiếu có qui định số cổ phần mà người cho vay sẽ nhận được khi họ chuyển trái phiếu thành cổ phiếu, ngày có thể diễn ra việc chuyển đổi và các chi tiết khác.

Khế ước thuê tài chính được quy thành vốn đầu tư: Hiện giá của cam kết thanh toán tương lai để đổi lấy quyền sử dụng tài sản thuộc sở hữu của một người khác. Chương 11 sẽ thảo luận các điều kiện trong đó một công ty công nhận các khế ước thuê như những nghĩa vụ nợ.

Thuế thu nhập trả sau: Số tiền thuế thu nhập cụ thể được trả chậm so với kỳ kế toán hiện hành. Chương 11 sẽ thảo luận khoản mục này, thường xuất hiện trên bảng cân đối tài sản của hầu hết các công ty Hoa Kỳ.

VỐN CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu thường: Số tiền công ty thu được bằng với mệnh giá của loại cổ phiếu chính có quyền bỏ phiếu của công ty.

Cổ phiếu ưu đãi: Số tiền công ty thu được ứng với mệnh giá của loại cổ phiếu có một số ưu đãi so với cổ phiếu thường, thông thường là về cổ tức và tài sản trong trường hợp thanh lý công ty. Đôi khi người giữ cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi cổ phiếu này thành cổ phiếu thường.

Vốn góp vượt quá mệnh giá: Khi phát hành cổ phiếu thường hay cổ phiếu ưu đãi, số tiền thu được vượt quá mệnh giá cổ phiếu. (Thường ghi tắt là APIC – Additional Paid-In Capital)

Thu nhập giữ lại: Từ lúc công ty bắt đầu hoạt động, phần tăng thêm trong tài sản ròng (= tổng tài sản – tổng nghĩa vụ nợ) hình thành từ thu nhập tạo ra vượt quá tài sản ròng (thường là tiền mặt) được phân phối dưới dạng công bố cổ tức. Khi công ty công bố cổ tức, tài sản ròng giảm (nghĩa vụ nợ đối với cổ tức phải trả tăng lên) và thu nhập giữ lại giảm một lượng tương đương. Như trong chương 5 và chương 12 chúng ta sẽ thảo luận, công ty nhìn chung sẽ *không* giữ tài sản ròng tạo ra từ thu nhập giữ lại dưới dạng tiền mặt.

Cổ phiếu ngân quỹ: Chi phí của những cổ phần mà công ty phát hành ban đầu nhưng sau đó thu hồi lại. Cổ phiếu ngân quỹ không hưởng cổ tức, và các nhà kế toán không thừa nhận chúng là cổ phiếu đang lưu hành. Chi phí mua cổ phiếu ngân quỹ gần như luôn luôn xuất hiện trên bảng cân đối tài sản như một khoản trừ đi trong tổng các tài khoản vốn cổ đông khác. Trong chương 12, chúng ta sẽ thảo luận việc hạch toán cổ phần ngân quỹ.

BÀI TỰ LUYỆN 2.4

Ghi nhật ký, tài khoản chữ T, và lập bảng cân đối tài sản. Công ty Thiết bị Điện tử bắt đầu hoạt động vào ngày 1-9. Công ty thực hiện các giao dịch sau trong tháng 9:

- (1) Ngày 1-9: Phát hành 4.000 cổ phần thường mệnh giá 10 để thu vào 12\$ tiền mặt trên mỗi cổ phần.
- (2) Ngày 2-9: Công ty trao 600 cổ phần thường mệnh giá 10 cho luật sư để thanh toán cho những dịch vụ pháp lý mà luật sư đã thực hiện để tổ chức thành lập công ty. Hoá đơn thanh toán của các dịch vụ này là 7.200.
- (3) Ngày 5-9: Công ty trả trước tiền thuê nhà 2 tháng là 10.000 để thuê một nhà xưởng trong 3 năm bắt đầu từ ngày 1-10. Tiền thuê nhà hàng tháng là 5.000.
- (4) Ngày 12-9: Mua nguyên vật liệu trả chậm trị giá 6.100.
- (5) Ngày 15-9: Nhận một tấm séc 900 từ khách hàng trả trước cho một đơn hàng đặc biệt về thiết bị mà công ty dự định sẽ sản xuất. Giá hợp đồng là 4.800.
- (6) Ngày 20-9: Mua thiết bị văn phòng với giá niêm yết là 950. Sau khi trừ đi khoản giảm giá 25\$ nhờ trả tiền ngay, công ty ký một tấm séc thanh toán đầy đủ.
- (7) Ngày 28-9: Công ty trả trước tiền mặt tổng cộng 200 cho ba nhân viên mới sẽ bắt đầu làm việc vào ngày 1-10.
- (8) Ngày 30-9: Công ty mua máy móc thiết bị sản xuất trị giá 27.500. Công ty ký phát một tấm séc thanh toán ngay 5.000 và chấp nhận nghĩa vụ nợ có bảo đảm dài hạn cho số tiền còn lại.
- (9) Ngày 30-9: Công ty trả 450 tiền công lao động lắp đặt thiết bị mới trong giao dịch (8).

a. Ghi nhật ký kế toán cho từng giao dịch trong 9 giao dịch trên.

- b. Lập các tài khoản chữ T và nhập từng giao dịch trong 9 giao dịch trên vào các tài khoản chữ T.
- c. Lập bảng cân đối tài sản cho Công ty Thiết bị Điện tử vào ngày 30-9.

PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

Bảng cân đối tài sản phản ánh tác động của các quyết định của công ty về đầu tư và nguồn vốn. Nói chung, công ty cố gắng cân đối cơ cấu thời hạn của nguồn vốn với cơ cấu thời hạn của các hoạt động đầu tư (nghĩa là, dùng nguồn vốn ngắn hạn để mua tài sản ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn để mua tài sản dài hạn). **Cơ cấu thời hạn** là thời gian phải trôi qua trước khi một tài sản trở thành tiền mặt hoặc trước khi một nghĩa vụ nợ hay khoản mục vốn cổ đông đòi hỏi phải có tiền mặt. Một công cụ nghiên cứu cơ cấu thời hạn của các tài sản của công ty và cơ cấu thời hạn của các nguồn vốn của công ty là **bảng cân đối tài sản theo qui mô chung**. Trong bảng cân đối tài sản theo qui mô chung, nhà phân tích trình bày từng khoản mục theo tỷ lệ phần trăm trong tổng tài sản hay tổng nghĩa vụ nợ cộng vốn cổ đông. Bảng 2.6 trình bày các bảng cân đối tài sản theo qui mô chung của chuỗi cửa hàng Wal-Mart, hãng hàng không American Airlines, công ty dược phẩm Merck, và công ty dịch vụ quảng cáo Interpublic Group.

BẢNG 2.6

Bảng cân đối tài sản theo qui mô chung của các công ty chọn lọc.

	Wal-Mart	American Airlines	Merck	Interpublic Group
TÀI SẢN				
Tiền mặt	0,2%	7,7%	14,9%	9,9%
Khoản phải thu	2,7	5,0	16,3	61,2
Hàng trong kho	47,8	3,8	10,4	--
Chi phí trả trước	<u>4,8</u>	<u>0,8</u>	<u>3,8</u>	<u>1,9</u>
Tổng tài sản hiện hành	55,5%	17,3%	45,4%	73,0%
Đầu tư vào chứng khoán	--	--	11,0	1,0
Nhà xưởng máy móc thiết bị	41,6	68,2	36,9	6,8
Tài sản vô hình	<u>2,9</u>	<u>14,5</u>	<u>6,7</u>	<u>19,2</u>
Tổng tài sản	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
NGHĨA VỤ NỢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG				
Khoản phải trả	22,4%	6,2%	14,7%	52,3%
Tín dụng phải trả	3,2	6,4	3,6	5,6
Nghĩa vụ nợ hiện hành khác	<u>6,8</u>	<u>16,7</u>	<u>11,3</u>	<u>8,7</u>
Tổng nợ hiện hành	32,4%	29,3%	29,6%	66,6%
Nợ dài hạn	21,2	36,3	5,2	6,1
Nghĩa vụ nợ dài hạn khác	1,1	11,0	13,4	6,2
Tổng nghĩa vụ nợ	54,7%	76,6%	48,2%	78,9%
Vốn cổ đông	45,3	23,4	51,8	21,1
Tổng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Chuỗi cửa hàng Wal-Mart duy trì một tỷ lệ lớn các tài sản dưới dạng hàng trong kho, mà công ty kỳ vọng bán trong thời gian 1 hay 2 tháng. Do đó họ dùng một tỷ lệ cao các nguồn huy động ngắn hạn (nghĩa là các khoản phải trả).

Mặt khác, hãng hàng không American Airlines đầu tư một tỷ lệ lớn tài sản vào nhà xưởng, máy móc thiết bị. Họ huy động vốn cho các tài sản này bằng các nguồn vốn dài hạn (nợ dài hạn cộng vốn cổ đông). Hãng hàng không có xu hướng dùng nhiều nợ dài hạn hơn so với vốn

cổ đông để mua máy móc thiết bị vì (1) máy móc thiết bị đóng vai trò như vật thế chấp cho việc vay mượn (nghĩa là người cho vay có thể chiếm hữu hay tịch thu thiết bị nếu hãng hàng không không trả nợ đúng hạn), và (2) nợ dài hạn thường có chi phí chính thức thấp hơn đối với công ty so với vốn cổ đông.

Merck cũng đầu tư một tỷ phần cao tài sản của họ vào nhà xưởng, máy móc thiết bị. Các công ty được có xu hướng duy trì các phương tiện sản xuất tự động hoá, thâm dụng vốn để bảo đảm kiểm tra chất lượng sản phẩm của họ. Tuy nhiên, không như hãng hàng không, các công ty được không có xu hướng vay nhiều nợ dài hạn. Một lý do không có nhiều nợ dài hạn là bởi bản chất các nguồn lực của công ty được. Nguồn lực then chốt bao gồm các nhà khoa học nghiên cứu, những người có thể lia bỏ công ty vào bất kỳ lúc nào, và các bằng phát minh về dược phẩm, mà các đối thủ cạnh tranh có thể làm cho trở nên vô dụng bằng cách phát triển những sản phẩm mới ưu việt hơn. Ứng với rủi ro cổ hữu trong các nguồn lực mà không thể hiện trên các bảng cân đối tài sản này, các công ty được có xu hướng không muốn chấp nhận thêm rủi ro ở phía bên kia của bảng cân đối tài sản bằng cách vay nợ, mà đòi hỏi phải trả vốn và lãi cố định. Ngoài ra, vì các công ty được theo truyền thống thường có tỷ lệ lợi nhuận và ngân lưu hoạt động cao nhất trong tất cả các ngành, nên họ không cần phải vay mượn để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

Intepublic Group cung ứng dịch vụ quảng cáo cho khách hàng. Họ mua thời gian và không gian trên các phương tiện truyền thông (truyền hình, báo chí, tạp chí), do vậy họ phát sinh một giao ước (Khoản phải trả). Họ xây dựng các phiên bản quảng cáo cho khách hàng và bán cho khách hàng không gian và thời gian để quảng bá sản phẩm, tạo thành một khoản phải thu từ khách hàng (Khoản phải thu). Tài sản của những công ty dịch vụ như Inerpublic không gì khác hơn người lao động của họ, mà kế toán lại không công nhận đó là tài sản. Do vậy, Khoản phải thu hiện hành thống lĩnh bên tài sản của bảng cân đối tài sản và Khoản phải trả hiện hành chiếm lĩnh phía bên nguồn vốn của bảng cân đối tài sản.

Các nhà phân tích tài chính có thể trở nên lo lắng khi tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn bắt đầu vượt quá tỷ lệ tài sản hiện hành. Những công ty này dùng vốn ngắn hạn để đầu tư cho tài sản dài hạn. Cũng như các hiệp hội tiết kiệm và cho vay vào đầu thập niên 90, những công ty này gặp khó khăn trong việc thu đủ lượng tiền mặt từ các tài sản dài hạn này để đáp ứng các cam kết ngắn hạn của người cho vay. Công ty duy nhất trong bảng 2.6 có cơ cấu huy động vốn mất cân đối theo cách này là American Airlines.

QUAN ĐIỂM QUỐC TẾ

Bảng cân đối tài sản tại một số nước khác với hình thức chúng ta vừa thảo luận trong chương này. Ở Đức, Pháp, và một số nước châu Âu, nhà xưởng máy móc thiết bị và các tài sản dài hạn khác được trình bày trước tiên, sau đó là tài sản hiện hành. Về phía vốn sở hữu, vốn cổ đông được trình bày trước, rồi sau đó đến các nghĩa vụ nợ dài hạn và hiện hành. Bảng 2.7 thể hiện bảng cân đối tài sản của BMW, nhà sản xuất ô tô Đức cho hai năm gần đây. Lưu ý rằng một số thuật ngữ khác với những thuật ngữ thường dùng ở Hoa Kỳ.

Thuật ngữ dùng trong bảng 2.7	Thuật ngữ phổ biến dùng ở Hoa Kỳ
Tài sản cố định hữu hình	Nhà xưởng, máy móc, thiết bị
Tài sản tài chính	Đầu tư vào chứng khoán
Thương mại phải thu	Khoản phải thu
Tiền thanh khoản	Tiền mặt
Vốn đăng ký	Cổ phiếu thường
Vốn dự trữ	Vốn góp vượt quá mệnh giá
Lợi nhuận dự trữ, Thu nhập ròng dành để phân phối	Thu nhập giữ lại
Trái phiếu	Trái phiếu phải trả
Nợ ngân hàng	Tín dụng phải trả cho ngân hàng
Thương mại phải thu	Khoản phải thu

BẢNG 2.7

Bảng cân đối tài sản của BMW

(đơn vị: triệu mác Đức)

	Ngày 31-12	
	Năm 9	Năm 10
TÀI SẢN		
Tài sản vô hình	8	5
Tài sản cố định hữu hình	6.163	6.339
Tài sản tài chính	<u>198</u>	<u>363</u>
Tổng tài sản cố định	<u>6.369</u>	<u>6.707</u>
Hàng trong kho	2.390	2.544
Tiền cho thuê phải thu	5.294	6.306
Thương mại phải thu	2.006	2.284
Chứng khoán ngắn hạn	2.084	2.138
Tiền thanh khoản	<u>2.227</u>	<u>2.205</u>
Tổng tài sản hiện hành	<u>14.001</u>	<u>15.477</u>
Các khoản trả trước và các tài sản khác	<u>319</u>	<u>317</u>
Tổng tài sản	<u>20.689</u>	<u>22.501</u>
VỐN CỔ ĐÔNG VÀ NGHĨA VỤ NỢ		
Vốn đăng ký	835	849
Vốn dự trữ	749	775
Lợi nhuận dự trữ	3.593	4.037
Thu nhập ròng dành để phân phối	<u>194</u>	<u>199</u>
Tổng vốn cổ đông	<u>5.371</u>	<u>5.860</u>
Trái phiếu	6.158	7.003
Nợ ngân hàng	543	604
Thương mại phải trả	1.335	1.463
Các nghĩa vụ nợ khác	<u>7.282</u>	<u>7.571</u>
Tổng nghĩa vụ nợ	<u>15.318</u>	<u>16.641</u>
Tổng vốn cổ đông và nghĩa vụ nợ	<u>20.689</u>	<u>22.501</u>

Ở Anh, dạng phương trình sau được dùng cho bảng cân đối tài sản:

$$\text{Tài sản dài hạn} + (\text{Tài sản hiện hành} - \text{Nghĩa vụ nợ hiện hành}) - \text{Nghĩa vụ nợ dài hạn} = \text{Vốn cổ đông}$$

Bảng 2.8 trình bày bảng cân đối tài sản của Ranks Hovis McDougall PLC, một công ty hàng tiêu dùng, trong hai năm gần đây. Dạng cân đối tài sản này không cho phép chúng ta so sánh trực tiếp giữa đầu tư và nguồn vốn. Nhà phân tích phải sắp xếp lại các bảng cân đối tài sản như thế để có được thông tin mong muốn. Bảng 2.9 sẽ thể hiện bảng cân đối tài sản của công ty

Ranks Hovis McDougall PLC bố trí lại dưới hình thức như đã thảo luận trong chương này. Lưu ý rằng số tiền nghĩa vụ nợ hiện hành gần bằng số tiền tài sản hiện hành, và tổng nghĩa vụ nợ dài hạn và vốn cổ đông gần bằng số tiền tài sản dài hạn.

BẢNG 2.8

Ranks Hovis McDougall PLC

Bảng cân đối tài sản so sánh theo hình thức của Anh

(đơn vị tính: triệu bảng)

	Ngày 31-8	
	Năm 7	Năm 8
Tài sản cố định		
Thương hiệu	--	678,0
Tài sản hữu hình	422,3	463,7
Đầu tư	<u>3,4</u>	<u>0,7</u>
Tổng tài sản cố định	<u>425,7</u>	<u>1.142,4</u>
Tài sản hiện hành		
Hàng trong kho	168,6	184,6
Khoản phải thu	215,6	234,3
Tiền mặt	46,2	65,2
Khoản phải trả trong thời hạn 1 năm		
Nợ phải trả	(53,0)	(45,1)
Nợ khác	<u>(286,7)</u>	<u>(347,3)</u>
Tài sản hiện hành ròng	<u>90,7</u>	<u>91,7</u>
Tổng tài sản trừ nghĩa vụ nợ hiện hành	516,4	1.234,1
Khoản phải trả với thời hạn hơn 1 năm		
Nợ phải trả	(133,7)	(139,8)
Nợ khác	(78,6)	(96,6)
Hợp đồng nghĩa vụ nợ	<u>(38,9)</u>	<u>(19,0)</u>
	<u>265,2</u>	<u>978,7</u>
Vốn và dự trữ		
Vốn góp	91,4	93,2
Vốn góp vượt quá mệnh giá	28,0	27,5
Đánh giá lại dự trữ	24,9	622,6
Dự trữ khác	107,3	184,9
Lợi nhuận cổ đông thiếu số	<u>13,6</u>	<u>50,5</u>
	<u>265,2</u>	<u>978,7</u>

Thuật ngữ sử dụng trong bảng cân đối tài sản trong bảng 2.8 cũng khác với thuật ngữ chúng ta đã thảo luận trong chương này.

Thuật ngữ dùng trong bảng 2.8	Thuật ngữ phổ biến dùng ở Hoa Kỳ
Tài sản hữu hình	Nhà xưởng, máy móc, thiết bị
Hàng trong kho	Hàng trong kho
Khoản phải thu	Khoản phải thu
Nợ phải trả	Tín dụng phải trả, trái phiếu phải trả
Vốn góp	Cổ phần thường
Vốn góp vượt quá mệnh giá	Vốn góp vượt quá mệnh giá
Dự trữ khác	Thu nhập giữ lại

BẢNG 2.9**Ranks Hovis McDougall PLC****Bảng cân đối tài sản theo hình thức của Hoa Kỳ**

(đơn vị tính: triệu bảng)

	Ngày 31-8	
	Năm 7	Năm 8
TÀI SẢN		
Tiền mặt	46,2	65,2
Khoản phải thu	215,6	234,3
Hàng trong kho	168,6	184,6
Tổng tài sản hiện hành	430,4	484,1
Đầu tư	3,4	0,7
Tài sản hữu hình	422,3	463,7
Thương hiệu	-----	678,0
Tổng tài sản	856,1	1.626,5
NGHĨA VỤ NỢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG		
Khóan phải trả	53,0	45,1
Nợ khác	286,7	347,3
Tổng nghĩa vụ nợ hiện hành.	339,7	392,4
Nợ phải trả	133,7	139,8
Nợ khác	78,6	96,6
Hợp đồng nghĩa vụ nợ	38,9	19,0
Tổng nghĩa vụ nợ	590,9	647,8
Vốn cổ đông		
Vốn góp	91,4	93,2
Vốn góp vượt quá mệnh giá	28,0	27,5
Đánh giá lại dự trữ	24,9	622,6
Dự trữ khác	107,3	184,9
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	13,6	50,5
Tổng vốn cổ đông	265,2	978,7
Tổng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông	856,1	1.626,5

Hai tài khoản được báo cáo trong bảng 2.8 hiếm khi xuất hiện trên các bảng cân đối tài sản ở Hoa Kỳ và hầu hết các nước: “Thương hiệu” và “Đánh giá lại dự trữ”. Theo thông lệ chung, hầu hết các nước ghi chép các tài sản không bằng tiền (như hàng trong kho, nhà xưởng, máy móc, thiết bị) theo chi phí mua hay chi phí lịch sử. Thông lệ chung cũng không thừa nhận những chi tiêu của công ty để xây dựng thương hiệu, danh tiếng, và các yếu tố vô hình khác là tài sản. Các tiêu chuẩn kế toán ở Anh và một vài nước khác cho phép có sự đánh giá lại theo định kỳ các nhà xưởng, máy móc, thiết bị theo giá trị thị trường hiện hành. Các công ty thẩm định giá trị thị trường của các tài sản cố định hữu hình sau những khoản thời gian định kỳ (ba hay năm năm). Sau đó họ phản ánh sự đánh giá lại này trong các tài khoản bằng những mục nhật ký như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số tiền	
Đánh giá lại dự trữ		Số tiền
Đánh giá lại tài sản hữu hình theo giá trị thị trường hiện hành.		

Vào cuối năm 7, Ranks Hovis McDougall PLC ghi một số dư vào tài khoản Đánh giá lại dự trữ là 24,9 triệu bảng, cho thấy rằng giá trị thị trường hiện hành của nhà xưởng, máy móc thiết bị vượt quá chi phí mua là 24,9 triệu bảng. Mục nhật ký ghi nhận sự giảm giá trị thị trường sẽ có các khoản ghi nợ và ghi có đảo ngược lại so với mục nhật ký trên đây.

Các tiêu chuẩn kế toán ở Anh cũng cho phép ghi nhận giá trị thị trường hiện hành của thương hiệu. Công ty phải được thẩm định một cách độc lập về những giá trị như thế. Công ty Ranks Hovis McDougall PLC công nhận thương hiệu là một tài sản lần đầu tiên vào năm 8. Công ty ghi chép mục nhật ký sau:

Thương hiệu	678,0	
Đánh giá lại dự trữ		678,0
Công nhận giá trị thị trường hiện hành của các thương hiệu.		

Tài khoản Đánh giá lại dự trữ thay đổi như sau trong năm 8:

Đánh giá lại dự trữ, ngày 31-8 năm 7	24,9
Cộng Công nhận thương hiệu	678,0
Trừ Giảm giá trị thị trường của tài sản cố định hữu hình	(80,3)
Đánh giá lại dự trữ, ngày 31-8 năm 8	622,3

Nhà phân tích khi chuyển bảng cân đối tài sản của công ty Ranks Hovis McDougall PLC theo các tiêu chuẩn kế toán của Hoa Kỳ sẽ báo cáo lại như sau:

Cuối năm 7:		
Đánh giá lại dự trữ	24,9	
Tài sản cố định hữu hình		24,9
Chuyển tài sản cố định hữu hình từ giá trị thị trường hiện hành thành chi phí lịch sử.		
Cuối năm 10:		
Đánh giá lại dự trữ	622,6	
Tài sản cố định hữu hình	55,4	
Thương hiệu		678,0
Chuyển tài sản cố định hữu hình từ giá trị thị trường hiện hành thành chi phí lịch sử và lấy thương hiệu ra khỏi tài sản.		

Có thể bạn sẽ thấy phần thảo luận về các hình thức khác nhau của bảng cân đối tài sản, thuật ngữ và các mục báo cáo lại trong phần này tương đối khó mà theo dõi khi bạn chỉ mới bắt đầu nghiên cứu về kế toán tài chính. Thông điệp chính của phần này là: nắm chắc những khái niệm quan trọng của bảng cân đối tài sản như đã thảo luận xuyên suốt chương này, sẽ cho phép bạn áp dụng những khái niệm này vào những bảng cân đối tài sản khác với thông lệ thường sử dụng ở Hoa Kỳ.

TÓM TẮT

Bảng cân đối tài sản gồm ba loại khoản mục: tài sản, nghĩa vụ nợ, và vốn cổ đông.

Các nguồn lực trở thành tài sản kế toán khi công ty có quyền sử dụng tương lai đối với các nguồn lực này như kết quả của một giao dịch hay trao đổi quá khứ, và khi công ty có thể đo lường được giá trị của các lợi ích tương lai với một độ chính xác hợp lý. Nói chung, những tài sản bằng tiền được trình bày trên bảng cân đối tài sản theo giá trị tiền mặt hiện hành, hay giá trị tương đương bằng tiền mặt. Các tài sản không bằng tiền xuất hiện trên bảng cân đối tài sản theo chi phí mua, trong một số trường hợp được điều chỉnh giảm bớt những chi phí dịch vụ mà công ty đã tiêu dùng. Nghĩa vụ nợ tiêu biểu cho những giao ước của công ty sẽ thanh toán một số tiền xác định hợp lý vào một thời điểm tương lai xác định hợp lý cho những lợi ích mà công ty đã nhận. Vốn cổ đông, chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nghĩa vụ nợ của công ty, thường gồm vốn góp của cổ đông và thu nhập giữ lại.

Việc hạch toán sổ kép các ảnh hưởng của mỗi giao dịch duy trì sự cân bằng của tổng tài sản và tổng nghĩa vụ nợ cộng vốn cổ đông. Công thức sau đây tóm tắt khung hạch toán sổ kép:

Tài khoản tài sản		=	Tài khoản nghĩa vụ nợ		+	Tài khoản vốn cổ đông	
Tăng (Nợ)	Giảm (Có)		Giảm (Nợ)	Tăng (Có)		Giảm (Nợ)	Tăng (Có)

Đầu tiên, người làm kế toán ghi ảnh hưởng hai mặt của mỗi giao dịch vào nhật ký kế toán dưới hình thức các mục nhật ký. Theo định kỳ, nhà kế toán chuyển số tiền trong các mục nhật ký này vào các tài khoản tài sản, nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông thích hợp trong sổ cái. Nhà kế toán lập một bảng cân đối thử cho các số dư cuối kỳ trong các tài khoản sổ cái để kiểm tra tính chính xác số học của tiến trình hạch toán sổ kép. Vào cuối mỗi kỳ kế toán, nhà kế toán điều chỉnh hay sửa sai các số dư tài khoản trong bảng cân đối thử nếu cần bằng cách lập một mục nhật ký trong nhật ký và nhập mục đó vào các tài khoản trong sổ cái. Khi đó, bảng cân đối thử đã điều chỉnh và sửa sai sẽ cung cấp những thông tin cần thiết để lập các báo cáo tài chính. Chương 3 và 4 thảo luận các tiến trình chuẩn bị bảng báo cáo thu nhập. Chương 5 sẽ thảo luận về báo cáo ngân lưu.

Khi phân tích một bảng cân đối tài sản, người ta tìm sự cân xứng giữa cơ cấu thời hạn của tài sản so với cơ cấu thời hạn của nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông. Tỷ phần của nguồn vốn ngắn hạn so với nguồn vốn dài hạn nên có quan hệ với tỷ phần giữa tài sản hiện hành và tài sản dài hạn.

ĐÁP ÁN CỦA CÁC BÀI TỰ LUYỆN

ĐÁP ÁN GỢI Ý CHO BÀI TỰ LUYỆN 2.1

(Công ty Coca Cola; công nhận và đánh giá tài sản.)

- Theo GAAP, kế toán không công nhận chi tiêu nghiên cứu và phát triển là tài sản do tính không chắc chắn của các lợi ích tương lai mà công ty có thể đo được với độ chính xác hợp lý.
- Trả trước cho nhà cung ứng \$400.000 cho lon chứa nước giải khát. Đây là hợp đồng được thực hiện một phần, mà các nhà kế toán công nhận phần đã thực hiện là tài sản.
- Cho dù GAAP cho phép công ty chuyển hoá vốn các chi tiêu quảng cáo thành tài sản, nhưng thông lệ kế toán sẽ hạch toán chi phí ngay tức thời cho các chi phí quảng cáo do tính không chắc chắn của lợi ích tương lai mà công ty có thể đo được với độ chính xác hợp lý.
- Đầu tư vào cổ phiếu thường \$2,5 triệu. Như trong chương 13 chúng ta sẽ thảo luận đầy đủ hơn, việc tiếp quản công ty này có thể được cho là sự góp chung lợi ích, mà việc đánh giá có thể khác với \$2,5 triệu.
- Kế toán không công nhận đây là tài sản, lý do giống như trong câu (a) trên đây.
- Đất đai và nhà xưởng, \$150 triệu. Điều cần thiết là phải phân bổ giá mua giữa đất đai và nhà xưởng vì nhà xưởng có thể khấu hao, còn đất đai thì không có khấu hao.

ĐÁP ÁN GỢI Ý CHO BÀI TỰ LUYỆN 2.2

(Công ty New York Times; công nhận và đánh giá nghĩa vụ nợ.)

- Phí đăng ký thu trước, \$10 triệu.
- Khoản phải trả, \$4 triệu. Các tên khác của tài khoản cũng chấp nhận được.
- Kế toán không công nhận nghĩa vụ nợ trong trường hợp này vì thời đoạn thuê 1 năm ngắn hơn nhiều so với thời gian sử dụng sản phẩm. Chương 11 sẽ thảo luận các tiêu chí công nhận một hợp đồng thuê là nghĩa vụ nợ.

- d. Kế toán không công nhận nghĩa vụ nợ vì ứng với phạm vi thỏa thuận bảo hiểm, chỉ có một xác suất rất thấp xảy ra việc công ty phải chi một khoản tiền mặt tương lai.
- e. GAAP yêu cầu công nhận nghĩa vụ nợ khi một khoản chi tiền mặt là “có thể xảy ra”. GAAP không đưa ra những hướng dẫn cụ thể về xác suất có thể xảy ra phải là bao nhiêu thì mới công nhận nghĩa vụ nợ. Những bằng chứng có tính giai thoại cho thấy rằng các nhà kế toán thực hành thường dùng mức xác suất là 80 đến 85%.
- f. Có thể là \$2 triệu này trước đây đã được ghi vào tài khoản Phí đăng ký thu trước. Vụ đình công sẽ làm trễ thời gian giao báo thêm hai tuần. Như vậy, công ty đã công nhận đây là nghĩa vụ nợ.

ĐÁP ÁN GỢI Ý CỦA BÀI TỰ LUYỆN 2.3

(Tài khoản chữ T cho các giao dịch khác nhau.)

Tiền mặt (A)		Hàng trong kho (A)		Tiền thuê trả trước (A)	
(1) 240.000	220.000 (3)	(4) 12.000		(5) 1.500	
(2) 100.000	1.500 (5)				
	28.000 (6)				
Đất đai (A)		Nhà xưởng (A)		Thiết bị (A)	
(3) 40.000		(3) 180.000		(4) 25.000	
Khoản phải trả (L)		Trái phiếu phải trả (L)		Cổ phiếu thường, theo mệnh giá (SE)	
(6) 28.000	37.000 (4)		100.000 (2)		200.000 (1)
Vốn góp vượt quá mệnh giá (SE)					
	40.000 (1)				

(A): Tài sản

(L): Nghĩa vụ nợ

(SE): Vốn cổ đông.

ĐÁP ÁN GỢI Ý CỦA BÀI TỰ LUYỆN 2.4

(Ghi nhật ký, tài khoản chữ T, và lập bảng cân đối tài sản.)

a. Các mục nhật ký sổ cái cho 9 giao dịch như sau:

(1) Ngày 1-9	Tiền mặt	48.000	
	Cổ phiếu thường		40.000
	Vốn góp vượt quá mệnh giá		8.000
	Phát hành 4.000 cổ phần thường mệnh giá \$10 lấy tiền mặt \$12 một cổ phần.		
(2) Ngày 2-9	Chi phí tổ chức	7.200	
	Cổ phiếu thường		6.000
	Vốn góp vượt quá mệnh giá		1.200
	Phát hành 600 cổ phần thường mệnh giá \$10 để thanh toán \$7.200 cho luật sư về việc tổ chức công ty.		
(3) Ngày 5-9	Tiền thuê trả trước	10.000	
	Tiền mặt		10.000
	Trả trước tiền thuê nhà xưởng tháng 10 và 11.		
(4) Ngày 12-9	Nguyên vật liệu trong kho	6.100	
	Khoản phải trả		6.100
	Mua nguyên vật liệu trị giá \$6.100 trả tiền sau.		
(5) Ngày 15-9	Tiền mặt	900	
	Trả trước từ khách hàng		900
	Nhận \$900 khách hàng trả trước để mua thiết bị mà công ty sẽ sản xuất trong tương lai.		
(6) Ngày 20-9	Máy móc thiết bị	925	

	Tiền mặt		925
	Mua thiết bị với giá niêm yết là \$950, sau khi được giảm giá còn 925\$.		
(7) Ngày 28-9	Ứng trước cho người lao động	200	
	Tiền mặt		200
	Trả trước \$200 tiền mặt cho người lao động sẽ bắt đầu làm việc vào ngày 1-10.		
(8) Ngày 30-9	Máy móc thiết bị	27.500	
	Tiền mặt		5.000
	Tín dụng dài hạn có bảo đảm phải trả		22.500
	Mua thiết bị bằng \$5.000 tiền mặt và chấp nhận nghĩa vụ nợ có bảo đảm \$22.500 ứng với phần còn lại của giá mua.		
(9) Ngày 30-9	Máy móc thiết bị	450	
	Tiền mặt		450
	Trả chi phí lắp đặt \$450 cho thiết bị mua trong giao dịch 8		

- b. Bảng 2.10 biểu thị các tài khoản chữ T của công ty Thiết bị Điện tử và việc ghi chép 9 mục nhật ký vào các tài khoản. Các ký hiệu A, L, và SE theo sau tên các tài khoản biểu thị loại tài khoản: tài sản, nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông.
- c. Bảng 2.11 biểu thị bảng cân đối tài sản vào ngày 30-9.

BẢNG 2.10

Công ty Thiết bị Điện tử,

Tài khoản chữ T và các giao dịch trong tháng 9 (Bài tập 2.4 tự nghiên cứu).

Tiền mặt (A)		Trả trước cho công nhân (A)		Nguyên vật liệu trong kho (A)		Tiền thuê trả trước (A)	
(1)	10.000	(7) 200		(4) 6.100		(3)	
48.000	(3)					10.000	
(2)	925 (6)						
900	200 (7)						
	5.000 (8)						
	450 (9)						
✓ 32.325		✓ 200		✓ 6.100		✓ 10.000	

Thiết bị (A)		Chi phí tổ chức (A)		Khoản phải trả (L)		Trả trước từ khách hàng (L)	
(6)		(2)			6.100 (4)		900 (5)
925		7.200					
(8)							
27.500							
(9)							
450							
✓ 28.875		✓ 7.200			6.100 ✓		900 ✓

Tín dụng dài hạn có thể chấp (L)	Cổ phiếu thường (SE)	Vốn góp vượt quá mệnh giá (SE)
22.500	40.000 (1)	8.000 (1)
(8)	6.000 (2)	1.200 (2)
<u>22.500</u> ✓	<u>46.000</u> ✓	<u>9.200</u> ✓

(A): Tài sản – (L): Nghĩa vụ nợ – (SE): Vốn cổ đông.

BẢNG 2.11

Công ty Thiết bị Điện tử

Bảng cân đối tài sản, ngày 30-9 (Bài tự luyện 2.4).

TÀI SẢN		NGHĨA VỤ NỢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG	
Tài sản hiện hành		Nghĩa vụ nợ hiện hành	
Tiền mặt	32.325	Khoản phải trả	6.100
Trả trước cho người lao động	200	Trả trước từ khách hàng	<u>900</u>
Nguyên vật liệu trong kho	6.100	Tổng nghĩa vụ nợ hiện hành ..	7.000
Tiền thuê trả trước	<u>10.000</u>	Nợ dài hạn	
Tổng tài sản hiện hành	48.625	Tín dụng dài hạn b.đảm phải trả	<u>22.500</u>
		Tổng nghĩa vụ nợ	29.500
Nhà xưởng máy móc thiết bị		Vốn cổ đông	
Thiết bị	28.875	Cổ phiếu thường, mệnh giá 10	46.000
Tài sản vô hình		Vốn góp vượt quá mệnh giá	<u>9.200</u>
Chi phí tổ chức	<u>7.200</u>	Tổng vốn cổ đông	<u>55.200</u>
Tổng tài sản	84.700	Tổng nghĩa vụ nợ và vốn cổ đông .	84.700

KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ THEN CHỐT

Hợp đồng chưa thực hiện	Tài sản vô hình
Chi phí mua (chi phí lịch sử)	Mệnh giá
Chi phí thay thế hiện tại (giá trị nhập vào)	Tài khoản chữ T
Giá trị ròng có thể bán hiện tại (giá trị thanh lý)	Ghi nợ
Hiện giá	Ghi có
Tài sản bằng tiền	Mục nhật ký kế toán
Tài sản không phải bằng tiền	Sổ nhật ký kế toán
Hoạt động liên tục	Sổ cái
Tính khách quan	Bảng cân đối thử
Tính thận trọng	Cơ cấu thời hạn
Tài sản cố định	Bảng cân đối tài sản phần trăm

CÂU HỎI

1. Xem lại ý nghĩa của các khái niệm và thuật ngữ trong phần Khái niệm và thuật ngữ then chốt trên đây.
2. Nói chung, tính thận trọng được xem là thông lệ trong kế toán. Hãy cho biết thông lệ này có thể làm thiệt hại cho ai.
3. Một trong những tiêu chí để công nhận tài sản hay nghĩa vụ nợ là phải có một sự trao đổi (giao dịch). Bạn có thể giải thích cho yêu cầu này như thế nào?
4. Kế toán thường không công nhận các hợp đồng chưa được đôi bên thi hành là các nghĩa vụ nợ hay tài sản. Bạn có thể giải thích cho cách xử lý này như thế nào?
5. Kế toán xử lý các khoản giảm giá khi mua hàng hoá hay thiết bị trả ngay là giảm số tiền ghi nhận cho tài sản được mua. Bạn có thể giải thích cho cách xử lý này như thế nào?

6. Một nhóm nhà đầu tư sở hữu một toà nhà văn phòng mà họ cho thuê không có đồ đạc. Họ đã mua toà nhà này 5 năm trước đây từ một công ty xây dựng. Vào lúc đó, họ kỳ vọng toà nhà sẽ có thời gian sử dụng là 40 năm. Hãy cho biết những tiến trình mà bạn sẽ thực hiện để xác định giá trị của toà nhà theo từng phương pháp đánh giá sau:
 - a. Chi phí mua
 - b. Chi phí mua có điều chỉnh
 - c. Chi phí thay thế hiện tại
 - d. Giá trị bán ròng hiện tại
 - e. Hiện giá của ngân lưu ròng tương lai
7. Một số tài sản của công ty này tương ứng với những nghĩa vụ nợ của một công ty khác. Ví dụ, một khoản phải thu trên bảng cân đối tài sản của người bán là một khoản phải trả trên bảng cân đối tài sản của người mua. Đối với từng khoản mục sau đây, bạn hãy cho biết xem đó là tài sản hay nghĩa vụ nợ, và cho biết tên tài khoản tương ứng trên bảng cân đối tài sản của phía bên kia trong vụ giao dịch:
 - a. Trả trước từ khách hàng
 - b. Trái phiếu phải trả
 - c. Lãi phải trả
 - d. Bảo hiểm trả trước
 - e. Tiền cho thuê thu trước